ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /ĐA-UBND DỰ THẢO	*Tiền Giang, ngày .... tháng 4 năm 2025*

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH TIỀN GIANG NĂM 2025

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị 11 Ban Chấp hành Trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025; Kết luận số 130-KL/TW ngày 14 tháng 3 năm 2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 như sau:

Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

2. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

4. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

SPRINGO CO.,LTD | 0969 798 944 | 0984 394 338 | WEB: hrspring.vn | YT: @quantrinhansuphattrientochuc

5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15.

6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH TIỀN GIANG

Sắp xếp ĐVHC là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Trên cơ sở kết quả công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 và giai đoạn 2023 -2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đặt ra mục tiêu, yêu cầu: "Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả",…

Thực hiện Kết luận số 130-KL/TW, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh, tên gọi và trung tâm hành chính - chính trị của đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp, hoạt động hiệu quả theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi).

Hiện nay, nhiều ĐVHC cấp xã có diện tích nhỏ, một số ĐVHC cấp xã có dân số ít. Việc sắp xếp đơn vị hành chính giúp hình thành các ĐVHC có quy mô phù hợp hơn, tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư. Việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cơ sở trên địa bàn tỉnh sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội tại từng ĐVHC. Không gian quy hoạch, phát triển sẽ không còn bị chia cắt, manh mún góp phần hoàn thiện công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Bên cạnh đó, việc sắp xếp ĐVHC cấp xã còn giúp nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công tại chính quyền cấp cơ sở sau khi thành lập. Khi đơn vị hành chính được sắp xếp hợp lý, chính quyền địa phương có điều kiện tập trung nguồn lực để nâng cao chất lượng dịch vụ công như y tế, giáo dục, hành chính

công, giảm chi cho các hoạt động xây dựng, sửa chữa trụ sở, giúp người dân tiếp cận các dịch vụ công dễ dàng hơn, hạn chế tình trạng phân tán và kém hiệu quả trong quản lý. Sau sắp xếp góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của cấp ủy đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức và yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của địa phương.

Ngoài ra, việc sắp xếp ĐVHC cấp xã cũng góp phần tăng cường liên kết vùng, tạo động lực phát triển. Việc sáp nhập các ĐVHC giúp tăng khả năng liên kết giữa các vùng, đặc biệt là trong phát triển kinh tế và phát triển đô thị, giúp hệ thống cơ sở hạ tầng tại các địa phương được kết nối đồng bộ, góp phần hình thành các trung tâm kinh tế - xã hội mạnh hơn, thúc đẩy sự phát triển bền vững cho toàn tỉnh Tiền Giang.

Phần II
HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA TỈNH TIỀN GIANG

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH TIỀN GIANG

1. Tỉnh Tiền Giang

1.1. Diện tích tự nhiên: 2.556,36 km^2

1.2. Quy mô dân số: 2.261.196 người (bao gồm 2.095.098 dân số thường trú và 116.098 dân số được quy đổi từ nguồn tạm trú)

1.3. Số lượng ĐVHC cấp huyện: 11 ĐVHC (gồm 08 huyện, 01 thị xã, 02 thành phố)

1.4. Số lượng ĐVHC cấp xã: 164 ĐVHC (gồm 135 xã, 21 phường, 08 thị trấn)

(Số liệu về diện tích tự nhiên, quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024)

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: 164 ĐVHC (gồm 135 xã, 21 phường, 08 thị trấn)

3. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp: Không

Phần III
PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH TIỀN GIANG

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Các ĐVHC cấp xã trên địa bàn huyện Cái Bè

1.1. Thành lập xã Thanh Hưng trên cơ sở nhập xã Tân Thanh (diện tích tự nhiên 12,95 km^2, quy mô dân số 12.631 người), xã Tân Hưng (diện tích tự nhiên 19,4 km^2, quy mô dân số 15.756 người) và xã An Thái Trung (diện tích tự nhiên 19,54 km^2, quy mô dân số 17.927 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thanh Hưng có diện tích tự nhiên 51,89 km^2 (đạt 172,97% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 46.314 người (đạt 289,46% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND tại xã An Thái Trung, trụ sở Đảng ủy tại xã Tân Hưng, trụ sở Công an tại xã Tân Thanh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có chung lịch sử hình thành và phát triển (tiền thân trước đây của xã Tân Thanh và Tân Hưng là 01 xã).

- Về tên gọi: Tên gọi xã Thanh Hưng phù hợp với yếu tố lịch sử (do trước đây xã Tân Thanh và Tân Hưng là một xã thống nhất có tên gọi xã Thanh Hưng). Ngoài ra, tên gọi này đã có tham khảo ý kiến Nhân dân, được sự đồng thuận cao trong nhân dân.

- Về trụ sở: Tận dụng trụ sở làm việc trước đây để bố trí cho tổ chức bộ máy của xã Thanh Hưng sau sắp xếp, tránh lãng phí trụ sở.

1.2. Thành lập xã An Hữu trên cơ sở nhập xã An Hữu (diện tích tự nhiên 13,99 km^2, quy mô dân số 20.980 người), xã Hòa Hưng (diện tích tự nhiên 15,91 km^2, quy mô dân số 17.892 người) và xã Mỹ Lương (diện tích tự nhiên 14,04 km^2, quy mô dân số 13.305 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã An Hữu có diện tích tự nhiên 43,94 km^2 (đạt 146,45% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 52.177 người (đạt 326,11% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND tại xã An Hữu, trụ sở Đảng ủy tại xã Mỹ Lương, trụ sở Công an tại xã Hòa Hưng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có chung lịch sử hình thành và phát triển, cùng khai thác thế mạnh vùng đất ven sông Tiền.

- Về tên gọi: Tên gọi xã An Hữu là địa danh có lịch sử lâu đời. Ngoài ra, tên gọi này đã có tham khảo ý kiến Nhân dân, được sự đồng thuận cao trong nhân dân.

- Về trụ sở: Tận dụng trụ sở làm việc trước đây để bố trí cho tổ chức bộ máy của xã An Hữu sau sắp xếp, tránh lãng phí trụ sở.

1.3. Thành lập xã Mỹ Lợi trên cơ sở nhập xã An Thái Đông (diện tích tự nhiên 7,36 km^2, quy mô dân số 11.475 người), xã Mỹ Lợi A (diện tích tự nhiên 17,62 km^2, quy mô dân số 13.351 người) và xã Mỹ Lợi B (diện tích tự nhiên 18,79 km^2, quy mô dân số 8.955 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mỹ Lợi có diện tích tự nhiên 43,76 km^2 (đạt 145,88% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 33.781 người (đạt 211,13% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND tại xã An Thái Đông, trụ sở Đảng ủy tại xã Mỹ Lợi B, trụ sở công an tại xã Mỹ Lợi A.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có chung lịch sử hình thành và phát triển.

- Về tên gọi: Tên gọi xã Mỹ Lợi phù hợp với yếu tố lịch sử (xã Mỹ Lợi A và Mỹ Lợi B trước đây là xã Mỹ Lợi). Ngoài ra, tên gọi này đã có tham khảo ý kiến Nhân dân, được sự đồng thuận cao trong nhân dân.

- Về trụ sở: Tận dụng trụ sở làm việc trước đây để bố trí cho tổ chức bộ máy của xã Mỹ Lợi sau sắp xếp, tránh lãng phí trụ sở.

1.4. Thành lập xã Mỹ Đức Tây trên cơ sở nhập xã Mỹ Đức Tây (diện tích tự nhiên 19,88 km^2, quy mô dân số 12.795 người), xã Mỹ Đức Đông (diện tích tự nhiên 12,62 km^2, quy mô dân số 11.876 người) và xã Thiện Trí (diện tích tự nhiên 13,29 km^2, quy mô dân số 12.226 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mỹ Đức Tây có diện tích tự nhiên 45,79 km^2 (đạt 152,63% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 36.897 người (đạt 230,61% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND tại xã Mỹ Đức Đông, trụ sở Đảng ủy tại xã Thiện Trí, trụ sở Công an tại xã Mỹ Đức Tây.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có chung lịch sử hình thành và phát triển, có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ, cùng nằm trên trục Quốc lộ 1.

- Về tên gọi: Sử dụng một trong các tên gọi của ĐVHC để đặt tên cho ĐVHC mới. Ngoài ra, đã tham khảo ý kiến trong nhân dân, được sự ủng hộ cao trong nhân dân.

- Về trụ sở: Tận dụng trụ sở làm việc trước đây để bố trí cho tổ chức bộ máy của xã Mỹ Đức Tây sau sắp xếp, tránh lãng phí trụ sở.

1.5. Thành lập xã Mỹ Thiện trên cơ sở nhập xã Mỹ Tân (diện tích tự nhiên 17,70 km^2, quy mô dân số 6.581 người), xã Mỹ Trung (diện tích tự nhiên 24,73 km^2, quy mô dân số 10.376 người) và xã Thiện Trung (diện tích tự nhiên 20,16 km^2, quy mô dân số 10.788 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mỹ Thiện có diện tích tự nhiên 62,59 km^2 (đạt 208,64% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 27.745 người (đạt 173,41% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND tại xã Mỹ Tân, trụ sở Đảng ủy tại xã Thiện Trung, trụ sở Công an tại xã Mỹ Trung.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có chung lịch sử hình thành và phát triển, cùng nằm về phía Bắc Quốc lộ 1.

- Về tên gọi: Tên gọi xã Mỹ Thiện phù hợp với yếu tố lịch sử, qua tham khảo được sự đồng thuận cao trong Nhân dân.

- Về trụ sở: Tận dụng trụ sở làm việc trước đây để bố trí cho tổ chức bộ máy của xã Mỹ Thiện sau sắp xếp, tránh lãng phí trụ sở.

1.6. Thành lập xã Hậu Mỹ trên cơ sở nhập xã Hậu Mỹ Bắc A (diện tích tự nhiên 27,38 km^2, quy mô dân số 16.238 người), xã Hậu Mỹ Bắc B (diện tích tự nhiên 19,71 km^2, quy mô dân số 11.546 người) và xã Hậu Mỹ Trinh (diện tích tự nhiên 31,52 km^2, quy mô dân số 12.313 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Hậu Mỹ có diện tích tự nhiên 78,61 km^2 (đạt 262,03% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 40.097 người (đạt 250,61% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở UBND tại xã Hậu Mỹ Bắc A, trụ sở Đảng ủy tại xã Hậu Mỹ Trinh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có chung lịch sử hình thành và phát triển, hệ thống giao thông kết nối thuận tiện.

- Về tên gọi: Tên gọi xã Hậu Mỹ phù hợp với yếu tố lịch sử, gắn với vùng Hậu Mỹ, được sự đồng thuận cao trong nhân dân.

- Về trụ sở: Tận dụng trụ sở làm việc trước đây để bố trí cho tổ chức bộ máy của xã Hậu Mỹ sau sắp xếp, tránh lãng phí trụ sở.

1.7. Thành lập xã Hội Cư trên cơ sở nhập xã An Cư (diện tích tự nhiên 11,32 km^2, quy mô dân số 15.876 người), xã Mỹ Hội (diện tích tự nhiên 14,42 km^2, quy mô dân số 11.659 người), xã Hậu Thành (diện tích tự nhiên 11,79 km^2, quy mô dân số 16.421 người) và xã Hậu Mỹ Phú (diện tích tự nhiên 11,13 km^2, quy mô dân số 8.818 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Hội Cư có diện tích tự nhiên 48,66 km^2 (đạt 162,21% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 52.774 người (đạt 329,84% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở Ủy ban nhân dân tại xã Hậu Thành, trụ sở Đảng ủy tại xã Hậu Mỹ Phú, trụ sở Công an tại xã An Cư.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có chung lịch sử hình thành và phát triển.

- Về tên gọi: Tên gọi xã Hội Cư phù hợp với yếu tố lịch sử (là tên gọi trước đây của Mỹ Hội và An Cư). Ngoài ra, tên gọi này đã có tham khảo ý kiến Nhân dân, được sự đồng thuận cao trong nhân dân.

- Về trụ sở: Tận dụng trụ sở làm việc trước đây để bố trí cho tổ chức bộ máy của xã Hội Cư sau sắp xếp, tránh lãng phí trụ sở.

1.8. Thành lập xã Cái Bè trên cơ sở nhập thị trấn Cái Bè (diện tích tự nhiên 4,22 km^2, quy mô dân số 18.582 người), xã Đông Hòa Hiệp (diện tích tự nhiên 12,95 km^2, quy mô dân số 16.885 người) và xã Hòa Khánh (diện tích tự nhiên 23,97 km^2, quy mô dân số 24.144 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Cái Bè có diện tích tự nhiên 41,14 km^2 (đạt 137,13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 59.611 người (đạt 372,57% so với tiêu chuẩn).

SPRINGO CO.,LTD | 0969 798 944 | 0984 394 338 | WEB: hrspring.vn | YT: @quantrinhansuphattrientochuc

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở Ủy ban nhân dân và Công an tại thị trấn Cái Bè; trụ sở Đảng ủy tại xã Hòa Khánh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có điểm tương đồng về trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

- Về tên gọi: Tên gọi xã Cái Bè theo tên gọi của huyện Cái Bè, đảm bảo yếu tố lịch sử, được sự đồng thuận cao trong nhân dân.

- Về trụ sở: Tận dụng trụ sở làm việc trước đây để bố trí cho tổ chức bộ máy của xã Cái Bè sau sắp xếp.

2. Các ĐVHC cấp xã trên địa bàn huyện Cai Lậy

2.1. Thành lập xã Bình Phú trên cơ sở nhập thị trấn Bình Phú (diện tích tự nhiên 19,07 km^2, quy mô dân số 20.440 người), xã Phú An (diện tích tự nhiên 15,73 km^2, quy mô dân số 19.485 người) và xã Cẩm Sơn (diện tích tự nhiên 12,53 km^2, quy mô dân số 11.156 người).

a) Kết quả sau sắp xếp.

- Xã Bình Phú có diện tích tự nhiên 47,33 km^2 (đạt 157,77% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 51.081 người (đạt 319,26% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: tại trung tâm hành chính – chính trị của huyện Cai Lậy trên địa bàn thị trấn Bình Phú hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có chung điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

- Về tên gọi: Lấy một trong các tên gọi hiện có của các ĐVHC thực hiện việc sắp xếp, trong đó Bình Phú là khu vực trung tâm, định hướng phát triển trong tương lai.

- Về trụ sở: Hiện nay trụ sở công của trung tâm hành chính – chính trị huyện Cai Lậy trên địa bàn thị trấn Bình Phú đã được đầu tư khang trang, đáp ứng yêu cầu của xã Bình Phú sau khi thành lập.

2.2. Thành lập xã Hiệp Đức trên cơ sở nhập xã Hiệp Đức (diện tích tự nhiên 10,22 km^2, quy mô dân số 8.323 người), xã Tân Phong (diện tích tự nhiên 23,79 km^2, quy mô dân số 15.557 người) và xã Hội Xuân (diện tích tự nhiên 11,96 km^2, quy mô dân số 11.854 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Hiệp Đức có diện tích tự nhiên 45,97 km^2 (đạt 153,23% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 35.734 người (đạt 223,34% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính - chính trị đặt tại xã Hội Xuân; tạm thời Khối Nhà nước làm việc tại trụ sở UBND xã Hội Xuân, khối Đảng, MTTQ làm việc tại trụ sở UBND xã Hiệp Đức, công an chia tổ làm việc tại UBND xã Hiệp Đức, Hội Xuân và Tân Phong. Định hướng tới xây dựng mới trụ sở làm việc tại khu đất nông trường Tôn Long trên địa bàn xã Hội Xuân.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có chung điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

- Về tên gọi: Lấy một trong các tên gọi hiện có của các ĐVHC thực hiện việc sắp xếp, trong đó xã Hiệp Đức là vùng căn cứ kháng chiến, được công nhận là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Về trụ sở: Tận dụng trụ sở làm việc trước đây của 03 xã để bố trí cho tổ chức bộ máy của xã Hiệp Đức sau sắp xếp, tránh lãng phí trụ sở.

2.3. Thành lập xã Ngũ Hiệp trên cơ sở nhập xã Ngũ Hiệp (diện tích tự nhiên 26,56 km^2, quy mô dân số 19.323 người) và xã Tam Bình (diện tích tự nhiên 21,38 km^2, quy mô dân số 21.312 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Ngũ Hiệp có diện tích tự nhiên 47,94 km^2 (đạt 159,8% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 40.635 người (đạt 253,97% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính - chính trị đặt tại xã Ngũ Hiệp. Tạm thời Khối Nhà nước làm việc tại trụ sở UBND xã Ngũ Hiệp, khối Đảng, MTTQ làm việc tại trụ sở UBND xã Tam Bình, công an chia tổ làm việc tại UBND xã Tam Bình và Ngũ Hiệp. Định hướng tới xây dựng mới trụ sở làm việc tại UBND xã Ngũ Hiệp.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có chung điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, chung hệ thống giao thông mang tính kết nối là cầu Ngũ Hiệp.

- Về tên gọi: Lấy một trong các tên gọi hiện có của các ĐVHC thực hiện việc sắp xếp, trong đó cù lao Ngũ Hiệp có lịch sử hình thành lâu đời, là vùng sản xuất chuyên canh sầu riêng với thương hiệu sầu riêng Ngũ Hiệp.

SPRINGO CO.,LTD | 0969 798 944 | 0984 394 338 | WEB: hrspring.vn | YT: @quantrinhansuphattrientochuc

- Về trụ sở: Tận dụng trụ sở làm việc trước đây của 02 xã để bố trí cho tổ chức bộ máy của xã Ngũ Hiệp sau sắp xếp, tránh lãng phí trụ sở.

2.4. Thành lập xã Long Tiên trên cơ sở nhập xã Long Tiên (diện tích tự nhiên 16,55 km^2, quy mô dân số 15.394 người), xã Long Trung (diện tích tự nhiên 15,44 km^2, quy mô dân số 15.940 người) và xã Mỹ Long (diện tích tự nhiên 12,65 km^2, quy mô dân số 12.663 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Long Tiên có diện tích tự nhiên 44,64 km^2 (đạt 148,8% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 43.997 người (đạt 274,98% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính - chính trị đặt tại xã Long Tiên. Tạm thời khối Nhà nước làm việc tại trụ sở UBND xã Long Trung; Khối Đảng, MTTQ làm việc tại trụ sở UBND xã Long Tiên, công an chia tổ làm việc tại xã Long Tiên và Long Trung và Mỹ Long. Về định hướng tới xây dựng trụ sở làm việc tại khu đất công (ngã ba Long Tiên).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có điều kiện tương đồng về phát triển kinh tế - xã hội.

- Về tên gọi: Sử dụng tên gọi của 01 trong các ĐVHC hiện có. Ngoài ra, về yếu tố lịch sử, xã Long Tiên là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Xã An toàn khu.

- Về trụ sở: Tận dụng trụ sở làm việc trước đây của 03 đơn vị để bố trí cho tổ chức bộ máy của xã Long Tiên sau sắp xếp, tránh lãng phí trụ sở.

2.5. Thành lập xã Mỹ Thành trên cơ sở nhập xã Mỹ Thành Bắc (diện tích tự nhiên 16,89 km^2, quy mô dân số 9.270 người), xã Mỹ Thành Nam (diện tích tự nhiên 21,65 km^2, quy mô dân số 15.538 người) và xã Phú Nhuận (diện tích tự nhiên 13,76 km^2, quy mô dân số 10.960 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mỹ Thành có diện tích tự nhiên 52,3 km^2 (đạt 174,33% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 35.768 người (đạt 223,55% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính - chính trị đặt tại xã Mỹ Thành Nam. Tạm thời Khối Nhà nước làm việc tại trụ sở UBND xã Mỹ Thành Nam, khối Đảng, MTTQ làm việc tại trụ sở UBND xã Phú Nhuận, công an chia tổ làm việc tại xã Mỹ Thành Nam và xã Mỹ Thành Bắc và xã Phú

Nhuận. Định hướng tới xây dựng mở rộng trụ sở làm việc tại UBND xã Mỹ Thành Nam.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có điều kiện tương đồng về lịch sử hình thành và phát triển.

- Về tên gọi: tên gọi Mỹ Thành có lịch sử, văn hóa lâu đời. Đây là vùng căn cứ kháng chiến, đến năm 1972 tách thành hai xã Mỹ Thành Nam và xã Mỹ Thành Bắc.

- Về trụ sở: Tận dụng trụ sở làm việc trước đây của 03 đơn vị để bố trí cho tổ chức bộ máy của xã Mỹ Thành sau sắp xếp, tránh lãng phí trụ sở, trong đó xã Mỹ Thành Nam định hướng trở thành trung tâm chính trị - hành chính do có yếu tố giao thông thuận lợi.

2.6. Thành lập xã Thạnh Phú trên cơ sở nhập xã Phú Cường (diện tích tự nhiên 32,82 km^2, quy mô dân số 14.921 người) và xã Thạnh Lộc (diện tích tự nhiên 23,82 km^2, quy mô dân số 13.510 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thạnh Phú có diện tích tự nhiên 56,64 km^2 (đạt 188,8% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 28.431 người (đạt 177,69% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính - chính trị đặt tại xã Phú Cường. Tạm thời khối Nhà nước làm việc tại trụ sở UBND xã Phú Cường, khối Đảng, MTTQ làm việc tại trụ sở UBND xã Thạnh Lộc, công an xã chia thành tổ để làm việc tại xã Thạnh Lộc và Phú Cường. Định hướng tới xây dựng mở rộng trụ sở làm việc tại UBND xã Phú Cường.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có điều kiện tương đồng về lịch sử hình thành và phát triển.

- Về tên gọi: Xã Thạnh Phú được hình thành trong thời kháng chiến chống pháp, đây là vùng căn cứ cách mạng, đến năm 1979 tách ra thành xã Thạnh Lộc và xã Phú Cường.

- Về trụ sở: Tận dụng trụ sở làm việc trước đây của 02 đơn vị để bố trí cho tổ chức bộ máy của xã Thạnh Phú sau sắp xếp, tránh lãng phí trụ sở.

3. Các ĐVHC cấp xã trên địa bàn thị xã Cai Lậy

3.1. Thành lập phường Mỹ Phước Tây trên cơ sở nhập Phường 1 (diện

tích tự nhiên 2,27 km^2, quy mô dân số 11.648 người) với Phường 3 (diện tích tự nhiên 3,34 km^2, quy mô dân số 3.830 người) với xã Mỹ Hạnh Trung (diện tích tự nhiên 10,02 km^2, quy mô dân số 8.910 người) và xã Mỹ Phước Tây (diện tích tự nhiên 20,42 km^2, quy mô dân số 16.342 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

Phường Mỹ Phước Tây có diện tích tự nhiên 36,05 km^2 (đạt 655,45% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 40.730 người (đạt 193,95% so với tiêu chuẩn).

- Trung tâm hành chính - chính trị đặt tại Phường 1. Bố trí khối nhà nước, Đảng, đoàn thể tại Thị ủy - UBND thị xã Cai Lậy. Bố trí Công an, Quân sự làm việc tại trụ sở Công an, Quân sự Phường 1 và Phường 3, sau khi xây dựng mới trụ sở làm việc của công an tại xã Mỹ Hạnh Trung sẽ tiếp tục bố trí lực lượng công an.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các đơn vị hành chính cấp xã liền kề nhau, có kết nối giao thông đồng bộ và đường thủy có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tương đồng nhau.

- Về tên gọi: Giữ lại một trong các tên gọi đã có của ĐVHC.

- Về trụ sở: các trụ sở trên địa bàn Phường 1 vừa được đầu tư nâng cấp, hệ thống lưu trữ, thông tin thời gian dài và ổn định; đảm bảo diện tích cho bộ máy mới sau khi thành lập; đặc biệt sẽ là đơn vị kế thừa, lưu trữ gốc (có nhà truyền thống, thư viện) và quản lý khá nhiều tài sản công. Trụ sở có sự kết nối đồng bộ với hạ tầng giao thông, thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp đến liên hệ công tác.

3.2. Thành lập phường Thanh Hòa trên cơ sở nhập Phường 2 (diện tích tự nhiên 3,48 km^2, quy mô dân số 6.425 người) với xã Tân Bình (diện tích tự nhiên 9,24 km^2, quy mô dân số 7.314 người) và xã Thanh Hòa (diện tích tự nhiên 6,78 km^2, quy mô dân số 7.164 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Thanh Hòa có diện tích tự nhiên 19,5 km^2 (đạt 354,55% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 20.903 người (đạt 99,54% so với tiêu chuẩn).

- Trung tâm hành chính - chính trị đặt tại Phường 2. Bố trí khối nhà nước tại UBND Phường 2, khối Đảng, MTTQ và đoàn thể làm việc tại: trụ sở UBND xã Thanh Hòa, công an, Quân sự làm việc tại trụ sở Công an, Quân sự Phường 2 và UBND xã Tân Bình, Thanh Hòa.

SPRINGO CO.,LTD | 0969 798 944 | 0984 394 338 | WEB: hrspring.vn | YT: @quantrinhansuphattrientochuc

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các đơn vị hành chính cấp xã liền kề nhau, có kết nối giao thông đồng bộ, có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tương đồng nhau.

- Về tên gọi: Giữ tên gọi của 01 ĐVHC để tránh xáo trộn nhiều đến đời sống của người dân.

- Về trụ sở: Trụ sở có sự kết nối đồng bộ với hạ tầng giao thông, thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp đến liên hệ công tác.

3.3. Thành lập phường Cai Lậy trên cơ sở nhập Phường 4 (diện tích tự nhiên 2,15 km^2, quy mô dân số 7.125 người) với Phường 5 (diện tích tự nhiên 2,56 km^2, quy mô dân số 10.251 người) và xã Long Khánh (diện tích tự nhiên 20,81 km^2, quy mô dân số 16.741 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Cai Lậy có diện tích tự nhiên 25,52 km^2 (đạt 464% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 34.117 người (đạt 162,46% so với tiêu chuẩn).

- Trung tâm hành chính - chính trị đặt tại Phường 4. Bố trí toàn bộ khối Đảng, Nhà nước, MTTQ, đoàn thể tại Trung tâm hành chính công thị xã Cai Lậy. Công an, Quân sự làm việc tại UBND Phường 5 và UBND xã Long Khánh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các đơn vị hành chính cấp xã liền kề nhau, có kết nối giao thông đồng bộ, có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tương đồng nhau.

- Về tên gọi: Sử dụng tên gọi của thị xã Cai Lậy, là tên gọi có giá trị lịch sử lâu đời.

- Về trụ sở: Trụ sở có sự kết nối đồng bộ với hạ tầng giao thông, thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp đến liên hệ công tác, đảm bảo diện tích cho bộ máy mới sau khi thành lập.

3.4. Thành lập phường Nhị Quý trên cơ sở sáp nhập Phường Nhị Mỹ (diện tích tự nhiên 5,3 km^2, quy mô dân số 5.914 người) với xã Phú Quý (diện tích tự nhiên 8,18 km^2, quy mô dân số 8.534 người) và xã Nhị Quý (diện tích tự nhiên 7,88 km^2, quy mô dân số 13.120 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Nhị Quý có diện tích tự nhiên 21,36 km^2 (đạt 388,36% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 27.568 người (đạt 131,28% so với tiêu chuẩn).

- Trung tâm hành chính - chính trị đặt tại: xã Nhị Quý. Bố trí khối nhà nước tại UBND xã Nhị Quý, khối Đảng, MTTQ, đoàn thể làm việc tại trụ sở: UBND xã Phú Quý, công an, Quân sự làm việc tại trụ sở Công an, Quân sự phường Nhị Mỹ và xã Nhị Quý.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các đơn vị hành chính cấp xã liền kề nhau, có kết nối giao thông đồng bộ, có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tương đồng nhau.

- Về tên gọi: Giữ tên gọi của 01 ĐVHC để tránh xáo trộn nhiều đến đời sống của người dân.

- Về trụ sở: Trụ sở có sự kết nối đồng bộ với hạ tầng giao thông, thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp đến liên hệ công tác.

3.5. Thành lập xã Tân Phú trên cơ sở sáp nhập xã Tân Phú (diện tích tự nhiên 8,37 km^2, quy mô dân số 6.887 người) với xã Tân Hội (diện tích tự nhiên 13,93 km^2, quy mô dân số 14.020 người) và xã Mỹ Hạnh Đông (diện tích tự nhiên 16,28 km^2, quy mô dân số 10.453 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Phú có diện tích tự nhiên 38,58 km^2 (đạt 128,6% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 31.360 người (đạt 196% so với tiêu chuẩn).

- Trung tâm hành chính - chính trị đặt tại xã Tân Phú. Bố trí khối nhà nước làm việc tại trụ sở: UBND xã Tân Hội, khối Đảng, MTTQ, đoàn thể làm việc tại trụ sở: UBND xã Tân Phú. Công an, Quân sự làm việc tại trụ sở các xã Tân Phú, Tân Hội, Mỹ Hạnh Đông.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có chung lịch sử hình thành và phát triển.

- Về tên gọi: Giữ tên gọi của 01 ĐVHC để tránh xáo trộn nhiều đến đời sống của người dân; Gắn với nhiều di tích mang tính lịch sử (chiến thắng Ấp Bắc khu di tích Quốc gia đặc biệt, nhà tưởng niệm đồng chí Phan Văn Khỏe, Bí thư xứ ủy Nam Kỳ).

- Về trụ sở: Trụ sở có sự kết nối đồng bộ với hạ tầng giao thông, thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp đến liên hệ công tác.

4. Các ĐVHC cấp xã trên địa bàn huyện Tân Phước

4.1. Thành lập xã Tân Phước 1 trên cơ sở nhập thị trấn Mỹ Phước (diện tích tự nhiên 40,28 km^2, quy mô dân số 7.531 người), xã Thạnh Mỹ (diện tích tự nhiên 28,21 km^2, quy mô dân số 3.026 người) và xã Tân Hòa Đông (diện tích tự nhiên 26,9 km^2, quy mô dân số 2.279 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

Xã Tân Phước 1 có diện tích tự nhiên 95,39 km^2 (đạt 317,97% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 12.836 người (đạt 80,23% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: thị trấn Mỹ Phước.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có điều kiện tương đồng về lịch sử hình thành và phát triển.

- Về tên gọi: Theo cách đặt tên đơn vị hành chính cấp huyện trước đây kèm theo số thứ tự.

- Về trụ sở: Hiện nay các trụ sở của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp huyện đều nằm trên địa bàn thị trấn Mỹ Phước, do đó thuận lợi cho việc bố trí, sử dụng sau khi thành lập xã Tân Phước 1.

4.2. Thành lập xã Tân Phước 2 trên cơ sở nhập xã Thạnh Tân (diện tích tự nhiên 33,04 km^2, quy mô dân số 3.889 người), xã Thạnh Hòa (diện tích tự nhiên 24,79 km^2, quy mô dân số 1.345 người) và xã Tân Hòa Tây (diện tích tự nhiên 31,57 km^2, quy mô dân số 5.615 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

Xã Tân Phước 2 có diện tích tự nhiên 89,40 km^2 (đạt 298% so với tiêu chuẩn), Quy mô dân số 10.849 người (đạt 67,81% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Thạnh Tân.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có điều kiện tương đồng về lịch sử hình thành và phát triển, có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ.

- Về tên gọi: Theo cách đặt tên đơn vị hành chính cấp huyện trước đây kèm theo số thứ tự.

- Về trụ sở: Hiện nay trụ sở của xã Thạnh Tân về cơ bản đáp ứng nhu cầu cho tổ chức bộ máy của xã mới hoạt động ổn định, thuận lợi để kết nối các vùng khác của xã.

SPRINGO CO.,LTD | 0969 798 944 | 0984 394 338 | WEB: hrspring.vn | YT: @quantrinhansuphattrientochuc

4.3. Thành lập xã Tân Phước 3 trên cơ sở nhập xã Phước Lập (diện tích tự nhiên 34,24 km^2, quy mô dân số 13.700 người), xã Tân Lập 1 (diện tích tự nhiên 29,65 km^2, quy mô dân số 58.880 người) và xã Tân Lập 2 (diện tích tự nhiên 16,3 km^2, quy mô dân số 3.347 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

Xã Tân Phước 3 có diện tích tự nhiên 80,19 km^2 (đạt 267,3 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 75.927 người (đạt 474,54% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Tân Lập 1.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có điều kiện tương đồng về lịch sử hình thành và phát triển.

- Về tên gọi: Theo cách đặt tên đơn vị hành chính cấp huyện trước đây kèm theo số thứ tự.

- Về trụ sở: Hiện nay trụ sở của xã Tân Lập 1 đã được xây dựng hoàn thiện, đảm bảo cho tổ chức bộ máy của xã mới hoạt động ổn định, thuận lợi để kết nối các vùng khác của xã.

4.4. Thành lập xã Hưng Thạnh trên cơ sở nhập xã Hưng Thạnh (diện tích tự nhiên 32,57 km^2, quy mô dân số 8.444 người), xã Phú Mỹ (diện tích tự nhiên 13,06 km^2, quy mô dân số 9.966 người) và xã Tân Hòa Thành (diện tích tự nhiên 19,52 km^2, quy mô dân số 12.958 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

Xã Hưng Thạnh có diện tích tự nhiên 65,15 km^2 (đạt 217,17% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 31.368 người (đạt 196,05% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Phú Mỹ.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có điều kiện tương đồng về lịch sử hình thành và phát triển, có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ.

- Về tên gọi: Giữ tên gọi của 01 ĐVHC để tránh xáo trộn nhiều đến đời sống của người dân; xã Hưng Thạnh là vùng đất lịch sử gắn với truyền thống cách mạnh của tỉnh Tiền Giang.

- Về trụ sở: Hiện nay trụ sở của xã Phú Mỹ về cơ bản đáp ứng nhu cầu cho tổ chức bộ máy của xã mới hoạt động ổn định, thuận lợi để kết nối các vùng khác của xã.

SPRINGO CO.,LTD | 0969 798 944 | 0984 394 338 | WEB: hrspring.vn | YT: @quantrinhansuphattrientochuc

5. Các ĐVHC cấp xã trên địa bàn huyện Châu Thành

5.1. Thành lập xã Tân Hương trên cơ sở nhập xã Tân Hương (diện tích tự nhiên 10,63 km^2, quy mô dân số 40.873 người), xã Tân Lý Đông (diện tích tự nhiên 15,71 km^2, quy mô dân số 17.475 người) và xã Tân Hội Đông (diện tích tự nhiên 8,71 km^2, quy mô dân số 8.862 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Hương có diện tích tự nhiên 35,05 km^2 (đạt 116,83% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 67.210 người (đạt 420,06% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Tân Hương.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ.

- Về tên gọi: Giữ tên gọi của 01 ĐVHC để tránh xáo trộn nhiều đến đời sống của người dân; xã Tân Hương là xã có trình độ phát triển kinh tế cao hơn so với các xã còn lại do có khu công nghiệp Tân Hương.

- Về trụ sở: Hiện nay trụ sở của xã Tân Hương về cơ bản đáp ứng nhu cầu cho tổ chức bộ máy của xã mới hoạt động ổn định, thuận lợi để kết nối các vùng khác của xã.

5.2. Thành lập xã Châu Thành trên cơ sở nhập thị trấn Tân Hiệp (diện tích tự nhiên 5,73 km^2, quy mô dân số 23.248 người), xã Thân Cửu Nghĩa (diện tích tự nhiên 12,09 km^2, quy mô dân số 23.509 người) và xã Long An (diện tích tự nhiên 6,46 km^2, quy mô dân số 10.313 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Châu Thành có diện tích tự nhiên 24,28 km^2 (đạt 80,93% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 57.070 người (đạt 356,69% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: thị trấn Tân Hiệp.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ.

- Về tên gọi: Tên gọi Châu Thành xuất phát từ tên gọi của huyện Châu Thành, có giá trị lịch sử.

- Về trụ sở: hiện nay thị trấn Tân Hiệp là trung tâm hành chính – chính trị của huyện Châu Thành, hệ thống trụ sở được đầu tư xây dựng khang trang, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp.

5.3. Thành lập xã Long Hưng trên cơ sở nhập xã Long Hưng (diện tích tự nhiên 14,18 km^2, quy mô dân số 15.420 người), xã Tam Hiệp (diện tích tự nhiên 20,68 km^2, quy mô dân số 20.321 người) và xã Thạnh Phú (diện tích tự nhiên 8,39 km^2, quy mô dân số 11.563 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Long Hưng có diện tích tự nhiên 43,25 km^2 (đạt 144,17% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 47.304 người (đạt 295,65% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tam Hiệp.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ.

- Về tên gọi: Tên gọi Long Hưng có giá trị lịch sử cao, xã Long Hưng là cái nôi của cách mạng, là nơi gắn với nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước như sự kiện Nam Kỳ Khởi nghĩa và sự kiện lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện tại đình Long Hưng.

- Về trụ sở: Trụ sở xã Tam Hiệp hiện nay được đầu tư xây dựng đồng bộ, có tính kết nối với các vùng còn lại của xã.

5.4. Thành lập xã Long Định trên cơ sở nhập xã Long Định (diện tích tự nhiên 17,58 km^2, quy mô dân số 16.805 người), xã Nhị Bình (diện tích tự nhiên 18,83 km^2, quy mô dân số 20.435 người) và xã Đông Hòa (diện tích tự nhiên 7,36 km^2, quy mô dân số 11.151 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Long Định có diện tích tự nhiên 43,77 km^2 (đạt 145,9% so với tiêu chuẩn), Quy mô dân số 48.391 người (đạt 302,44% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Đông Hòa.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ là tuyến Quốc lộ 1.

SPRINGO CO.,LTD | 0969 798 944 | 0984 394 338 | WEB: hrspring.vn | YT: @quantrinhansuphattrientochuc

- Về tên gọi: Tên gọi Long Định có giá trị lịch sử cao, là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đồng thời gắn với sự kiện lịch sử chiến thắng Giồng Dứa.

- Về trụ sở: Trụ sở xã Đông Hòa hiện nay được đầu tư xây dựng đồng bộ, có tính kết nối với các vùng còn lại của xã.

5.5. Thành lập xã Vĩnh Kim trên cơ sở nhập xã Vĩnh Kim (diện tích tự nhiên 5,89 km^2, quy mô dân số 12.965 người), xã Bàn Long (diện tích tự nhiên 9,41 km^2, quy mô dân số 9.939 người) và xã Phú Phong (diện tích tự nhiên 10,27 km^2, quy mô dân số 8.562 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Vĩnh Kim có: 25,57 km^2 (đạt 85,23% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 31.466 người (đạt 196,66% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Vĩnh Kim.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ.

- Về tên gọi: Tên gọi Vĩnh Kim có giá trị lịch sử, là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, đồng thời gắn với thương hiệu trái cây đặc sản của tỉnh Tiền Giang là vú sữa Vĩnh Kim.

- Về trụ sở: Trụ sở xã Vĩnh Kim hiện nay được đầu tư xây dựng đồng bộ, nằm tại trung tâm phát triển của xã mới hình thành sau sắp xếp, thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp đến giao dịch.

5.6. Thành lập xã Kim Sơn trên cơ sở nhập xã Kim Sơn (diện tích tự nhiên 11,63 km^2, quy mô dân số 12.437 người), xã Song Thuận (diện tích tự nhiên 9,09 km^2, quy mô dân số 8.035 người) và xã Bình Đức (diện tích tự nhiên 8,7 km^2, quy mô dân số 8.910 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Kim Sơn có diện tích tự nhiên 29,42 km^2 (đạt 98,07% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 29.382 người (đạt 183,64% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Song Thuận.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ, liền một dãy dọc theo sông Tiền.

- Về tên gọi: Tên gọi Kim Sơn có giá trị lịch sử cao, là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, có Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt là Khu di tích chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút.

- Về trụ sở: Trụ sở xã Song Thuận mang tính trung tâm kết nối với các vùng còn lại của xã, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp đến liên hệ công tác.

5.7. Thành lập xã Bình Trưng trên cơ sở nhập xã Bình Trưng (diện tích tự nhiên 17,37 km^2, quy mô dân số 23.647 người) và xã Điềm Hy (diện tích tự nhiên 13,86 km^2, quy mô dân số 10.971 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Bình Trưng có diện tích tự nhiên 31,23 km^2 (đạt 104,1% so với tiêu chuẩn), Quy mô dân số 34.618 người (đạt 216,36% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Bình Trưng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có hệ thống giao thông kết nối đồng bộ, nằm dọc hai bên Quốc lộ 1.

- Về tên gọi: Tên gọi Bình Trưng có giá trị lịch sử cao, là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, xã An toàn khu.

- Về trụ sở: Trụ sở xã Bình Trưng mang tính trung tâm kết nối với các vùng còn lại của xã, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp đến liên hệ công tác.

6. Các ĐVHC cấp xã của thành phố Mỹ Tho

6.1. Thành lập Phường Mỹ Tho trên cơ sở nhập Phường 1 (diện tích tự nhiên 1,18 km^2, quy mô dân số 20.691 người), Phường 2 (diện tích tự nhiên 1,95 km^2, quy mô dân số 42.051 người) và Phường Tân Long (diện tích tự nhiên 3,26 km^2, quy mô dân số 4.024 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Mỹ Tho có diện tích tự nhiên 6,39 km^2 (đạt 116,18% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 66.766 người (đạt 317,93% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Phường 1.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có vị trí trung tâm của thành phố Mỹ Tho hiện nay.

- Về tên gọi: Mỹ Tho là tên gọi có giá trị lịch sử cao, sử dụng tên gọi Mỹ Tho cho phường mới ở vị trí trung tâm được sự đồng thuận cao trong Nhân dân.

- Về trụ sở: Hiện nay trụ sở các cơ quan của thành phố Mỹ Tho đặt tại Phường 1, do đó đáp ứng đầy đủ nhu cầu bố trí trụ sở của phường Mỹ Tho sau khi thành lập.

6.2. Thành lập Phường Đạo Thạnh trên cơ sở nhập Phường 4 (diện tích tự nhiên 0,81 km^2, quy mô dân số 22.819 người), Phường 5 (diện tích tự nhiên 2,72 km^2, quy mô dân số 25.925 người) và xã Đạo Thạnh (diện tích tự nhiên 10,75 km^2, quy mô dân số 24.626 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Đạo Thạnh có diện tích tự nhiên 14,28 km^2 (đạt 259,64% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 73.370 người (đạt 349,38% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Phường 5.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có sự kết nối thuận lợi về giao thông.

- Về tên gọi: Đạo Thạnh là tên gọi có ý nghĩa lịch sử cách mạng, đây cũng là xã An toàn khu của thành phố Mỹ Tho.

- Về trụ sở: Phường 5 nằm tại vị trí trung tâm của phường mới, có trụ sở được xây dựng khang trang, cơ bản có thể đáp ứng cho tổ chức bộ máy phường mới vận hành tốt sau khi thành lập.

6.3. Thành lập Phường Mỹ Phong trên cơ sở nhập Phường 9 (diện tích tự nhiên 2,38 km^2, quy mô dân số 13.529 người), xã Mỹ Phong (diện tích tự nhiên 11,25 km^2, quy mô dân số 20.781 người) và xã Tân Mỹ Chánh (diện tích tự nhiên 9,37 km^2, quy mô dân số 16.421 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Mỹ Phong có diện tích tự nhiên 23 km^2 (đạt 418,18% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 50.731 người (đạt 241,58% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Phường 9.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có sự kết nối thuận lợi về giao thông với vùng phía đông của tỉnh Tiền Giang.

- Về tên gọi: Mỹ Phong là tên gọi có ý nghĩa lịch sử cách mạng, đây cùng là xã An toàn khu của thành phố Mỹ Tho, đồng thời là xã Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Về trụ sở: Trụ sở Phường 9 được xây dựng tương đối mới và có khả năng mở rộng trong tương lai để phục vụ nhu cầu làm việc của cán bộ, công chức.

6.4. Thành lập Phường Thới Sơn trên cơ sở nhập Phường 6 (diện tích tự nhiên 3,09 km^2, quy mô dân số 28.982 người) và xã Thới Sơn (diện tích tự nhiên 12,12 km^2, quy mô dân số 9.508 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Thới Sơn có diện tích tự nhiên 15,21 km^2 (đạt 276,55% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 38.490 người (đạt 183,29% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Phường 6

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có sự kết nối thuận lợi thông qua cầu Rạch Miễu.

- Về tên gọi: Thới Sơn là tên gọi có ý nghĩa lịch sử cách mạng, là xã Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Về trụ sở: Trụ sở Phường 6 được xây dựng tương đối mới, dễ dàng kết nối với các khu vực khác trong phường để phục vụ người dân và doanh nghiệp đến liên hệ công tác.

6.5. Thành lập Phường Trung An trên cơ sở nhập Phường 10 (diện tích tự nhiên 2,82 km^2, quy mô dân số 15.684 người), xã Trung An (diện tích tự nhiên 10,16 km^2, quy mô dân số 29.314 người) và xã Phước Thạnh (diện tích tự nhiên 10,4 km^2, quy mô dân số 25.481 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Trung An có diện tích tự nhiên 23,38 km^2 (đạt 425,09% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 70.479 người (đạt 335,61% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Trung An.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có sự kết nối thuận lợi về hạ tầng giao thông.

- Về tên gọi: Trung An là tên gọi có ý nghĩa lịch sử cách mạng, đây cũng là xã Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Về trụ sở: Trụ sở xã Trung An nằm ở vị trí trung tâm, dễ dàng kết nối với các khu vực khác trong phường để phục vụ người dân và doanh nghiệp đến liên hệ công tác.

7. Các ĐVHC cấp xã của huyện Chợ Gạo

7.1. Thành lập xã Mỹ Tịnh An trên cơ sở nhập xã Trung Hòa (diện tích tự nhiên 10,79 km^2, quy mô dân số 8.160 người), xã Hòa Tịnh (diện tích tự nhiên 7,11 km^2, quy mô dân số 8.079 người), xã Mỹ Tịnh An (diện tích tự nhiên 11,47 km^2, quy mô dân số 11.515 người) và xã Tân Bình Thạnh (diện tích tự nhiên 11,84 km^2, quy mô dân số 9.204 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Mỹ Tịnh An có diện tích tự nhiên 41,21 km^2 (đạt 137,37% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 36.958 người (đạt 230,99% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Mỹ Tịnh An.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau về phía Bắc của huyện Chợ Gạo, có sự kết nối thuận lợi về hạ tầng giao thông.

- Về tên gọi: sử dụng một trong các tên gọi trước đây để hạn chế gây xáo trộn trong nhân dân. Xã Mỹ Tịnh An là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Về trụ sở: Trụ sở tại xã Mỹ Tịnh An nằm trên trục đường tỉnh lộ 878B, cơ sở hạ tầng đảm bảo, là xã trung tâm kết nối giao thông thuận lợi với các xã xung quanh, thuận tiện cho việc đi lại của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khi đến thực hiện giao dịch các dịch vụ công.

7.2. Thành lập xã Lương Hòa Lạc trên cơ sở nhập xã Thanh Bình (diện tích tự nhiên 14,28 km^2, quy mô dân số 11.967 người), xã Phú Kiết (diện tích tự nhiên 11,42 km^2, quy mô dân số 13.169 người) và xã Lương Hòa Lạc (diện tích tự nhiên 9,58 km^2, quy mô dân số 12.525 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Lương Hòa Lạc có diện tích tự nhiên 35,28 km^2 (đạt 117,6% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 37.661 người (đạt 235,38% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Thanh Bình.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có sự kết nối thuận lợi về hạ tầng giao thông.

- Về tên gọi: sử dụng một trong các tên gọi trước đây để hạn chế gây xáo trộn trong nhân dân. Mặt khác tên gọi Lương Hòa Lạc mang giá trị lịch sử, đây là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Về trụ sở: Trụ sở tại xã Thanh Bình có cơ sở hạ tầng đảm bảo, kết nối giao thông thuận tiện với các xã xung quanh và thuận tiện cho việc đi lại của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khi đến để thực hiện giao dịch các dịch vụ công.

7.3. Thành lập xã Tân Thuận Bình trên cơ sở nhập xã Tân Thuận Bình (diện tích tự nhiên 12,25 km^2, quy mô dân số 12.967 người), xã Đăng Hưng Phước (diện tích tự nhiên 14,39 km^2, quy mô dân số 14.019 người) và xã Quơn Long (diện tích tự nhiên 13,3 km^2, quy mô dân số 13.045 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Thuận Bình có diện tích tự nhiên 39,94 km^2 (đạt 133,13% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 40.031 người (đạt 250,19% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Xã Tân Thuận Bình.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có sự kết nối thuận lợi về hạ tầng giao thông, nằm về cùng một bên kênh Chợ Gạo.

- Về tên gọi: sử dụng một trong các tên gọi trước đây để hạn chế gây xáo trộn trong nhân dân. Xã Tân Thuận Bình là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Về trụ sở: Trung tâm hành chính xã Tân Thuận Bình nằm trên trục đường tỉnh lộ 879D, tiếp giáp với Quốc lộ 50 và tuyến đường thủy (kênh Chợ Gạo); có cơ sở hạ tầng đảm bảo, là xã trung tâm kết nối giao thông thuận lợi giữa các xã và thuận tiện cho việc đi lại của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khi đến để thực hiện giao dịch các dịch vụ công.

7.4. Thành lập xã Chợ Gạo trên cơ sở nhập thị trấn Chợ Gạo (diện tích tự nhiên 3,05 km^2, quy mô dân số 9.674 người), xã Long Bình Điền (diện tích tự

nhiên 12,5 km^2, quy mô dân số 14.381 người) và xã Song Bình (diện tích tự nhiên 9,62 km^2, quy mô dân số 9.738 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Chợ Gạo có diện tích tự nhiên 25,17 km^2 (đạt 83,9% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 33.793 người (đạt 211,21% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: thị trấn Chợ Gạo.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có sự kết nối thuận lợi về hạ tầng giao thông.

- Về tên gọi: sử dụng tên gọi Chợ Gạo (của ĐVHC cấp huyện) là tên gọi có giá trị về mặt lịch sử, được sự đồng tình của người dân.

- Về trụ sở: Tận dụng cơ sở hạ tầng sẵn có tại thị trấn Chợ Gạo; giao thông thuận lợi (đường bộ có Quốc lộ 50 đi qua và tuyến đường thủy - có kênh Chợ Gạo), là xã trung tâm kết nối với các xã xung quanh, thuận tiện cho việc đi lại của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khi đến để thực hiện giao dịch các dịch vụ công. Dự kiến lâu dài Trung tâm hành chính - chính trị xã di dời, đầu tư xây dựng tại xã Long Bình Điền (hiện hữu).

7.5. Thành lập xã An Thạnh Thủy trên cơ sở nhập xã An Thạnh Thủy (diện tích tự nhiên 15,16 km^2, quy mô dân số 15.985 người), xã Bình Phan (diện tích tự nhiên 9,65 km^2, quy mô dân số 9.265 người) và xã Bình Phục Nhứt (diện tích tự nhiên 17,86 km^2, quy mô dân số 15.948 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã An Thạnh Thủy có diện tích tự nhiên 42,67 km^2 (đạt 142,23% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 41.198 người (đạt 257,49% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Bình Phan.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có sự kết nối thuận lợi về hạ tầng giao thông, nằm về một bên kênh Chợ Gạo.

- Về tên gọi: An Thạnh Thủy là tên gọi có giá trị lịch sử. Xã An Thạnh Thủy đồng thời cũng là xã Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Về trụ sở: Trung tâm hành chính xã Bình Phan nằm trên Huyện lộ 22, tiếp giáp Quốc lộ 50 và tuyến đường thủy (kênh Chợ Gạo); là xã trung tâm kết nối giao thông thuận tiện với các xã xung quanh, cơ sở hạ tầng đảm bảo và

SPRINGO CO.,LTD | 0969 798 944 | 0984 394 338 | WEB: hrspring.vn | YT: @quantrinhansuphattrientochuc

thuận tiện cho việc đi lại của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khi đến để thực hiện giao dịch các dịch vụ công.

7.6. Thành lập xã Bình Ninh trên cơ sở nhập xã Bình Ninh (diện tích tự nhiên 19,07 km^2, quy mô dân số 14.015 người), xã Hòa Định (diện tích tự nhiên 13,49 km^2, quy mô dân số 11.040 người) và xã Xuân Đông (diện tích tự nhiên 14,08 km^2, quy mô dân số 11.076 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Bình Ninh có diện tích tự nhiên 46,64 km^2 (đạt 155,47% so với tiêu chuẩn), Quy mô dân số 36.131 người (đạt 225,82% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Bình Ninh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có sự kết nối thuận lợi về hạ tầng giao thông.

- Về tên gọi: Bình Ninh là tên gọi có giá trị lịch sử. Xã Bình Ninh đồng thời cũng là xã Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

- Về trụ sở: Trung tâm hành chính xã Bình Ninh nằm trên trục đường tỉnh lộ 877B và tiếp nối tỉnh lộ 864, là xã trung tâm kết nối giao thông thuận tiện với các xã xung quanh, cơ sở hạ tầng đảm bảo và thuận tiện cho việc đi lại của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khi đến để thực hiện giao dịch các dịch vụ công.

8. Các ĐVHC cấp xã của huyện Gò Công Đông

8.1. Thành lập xã Gò Công Đông trên cơ sở nhập xã Tân Thành (diện tích tự nhiên 88,49 km^2, quy mô dân số 17.529 người) và xã Tăng Hòa (diện tích tự nhiên 17,92 km^2, quy mô dân số 12.575 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Gò Công Đông có diện tích tự nhiên 106,41 km^2 (đạt 354,7% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 30.104 người (tỉ lệ 188,15% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Thành

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có sự kết nối thuận lợi về hạ tầng giao thông, cùng khai thác thế mạnh kinh tế biển.

- Về tên gọi: sử dụng tên gọi của huyện Gò Công Đông để đặt cho xã mới, tên gọi có giá trị lịch sử, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

- Về trụ sở: trụ sở xã Tân Thành hiện nay đã được đầu tư khang trang, kết nối thuận lợi với các khu vực khác của xã.

8.2. Thành lập xã Tân Điền trên cơ sở nhập xã Bình Ân (diện tích tự nhiên 13,78 km^2, quy mô dân số 12.735 người) và xã Tân Điền (diện tích tự nhiên 25,23 km^2, quy mô dân số 9.395 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Điền có diện tích tự nhiên 39,01 km^2 (đạt 130,03% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 22.130 người (tỉ lệ 138,31% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Điền.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có sự kết nối thuận lợi về hạ tầng giao thông, cùng khai thác thế mạnh kinh tế biển.

- Về tên gọi: sử dụng tên gọi đã có của ĐVHC cấp xã trước sắp xếp để tránh gây xáo trộn nhiều trong nhân dân, được đa số cử tri đồng thuận.

- Về trụ sở: trụ sở xã Tân Điền hiện nay đã được đầu tư khang trang, kết nối thuận lợi với các khu vực khác của xã.

8.3. Thành lập xã Tân Hòa trên cơ sở nhập thị trấn Tân Hòa (diện tích tự nhiên 3,23 km^2, quy mô dân số 6.723 người), xã Phước Trung (diện tích tự nhiên 21,2 km^2, quy mô dân số 13.141 người) và xã Bình Nghị (diện tích tự nhiên 13,53 km^2, quy mô dân số 14.276 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Hòa có diện tích tự nhiên 37,96 km^2 (đạt 126,53% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 34.149 người (đạt 213,43% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: thị trấn Tân Hòa.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có sự kết nối thuận lợi về hạ tầng giao thông thuận lợi giữa các đơn vị.

- Về tên gọi: Sử dụng tên gọi của một trong các ĐVHC đã có là Tân Hòa với vai trò là trung tâm hành chính – chính trị của huyện Gò Công Đông. Tên gọi được đa số nhân dân đồng tình ủng hộ.

SPRINGO CO.,LTD | 0969 798 944 | 0984 394 338 | WEB: hrspring.vn | YT: @quantrinhansuphattrientochuc

- Về trụ sở: hiện nay trên địa bàn thị trấn Tân Hòa đã có hệ thống trụ sở cơ quan trong hệ thống chính trị của huyện Gò Công Đông, thuận lợi trong việc bố trí trụ sở cho xã mới hình thành sau sắp xếp.

8.4. Thành lập xã Tân Đông trên cơ sở nhập xã Tân Đông (diện tích tự nhiên 11,65 km^2, quy mô dân số 12.741 người), xã Tân Tây (diện tích tự nhiên 14,53 km^2, quy mô dân số 19.121 người) và xã Tân Phước (diện tích tự nhiên 24,17 km^2, quy mô dân số 19.551 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Đông có diện tích tự nhiên 50,35 km^2 (đạt 167,83% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 51.413 người (đạt 321,33% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Tây.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có sự kết nối thuận lợi về hạ tầng giao thông thuận lợi giữa các đơn vị.

- Về tên gọi: Sử dụng tên gọi của một trong các ĐVHC đã có là Tân Đông, đây là tên gọi có giá trị lịch sử, được đa số nhân dân đồng tình ủng hộ.

- Về trụ sở: hiện nay xã Tây Tây cơ bản có trụ sở được xây dựng đồng bộ, phát huy lợi thế trung tâm, kết nối thuận lợi với các khu vực khác của xã.

8.5. Thành lập xã Gia Thuận trên cơ sở nhập xã Gia Thuận (diện tích tự nhiên 20,91 km^2, quy mô dân số 9.016 người), xã Kiểng Phước (diện tích tự nhiên 38,98 km^2, quy mô dân số 20.923 người) và thị trấn Vàm Láng (diện tích tự nhiên 7,52 km^2, quy mô dân số 15.968 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Gia Thuận có diện tích tự nhiên 67,41 km^2 (đạt 224,7% so tiêu chuẩn), quy mô dân số 45.907 người (đạt 286,92% so tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: thị trấn Vàm Láng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Đây là các ĐVHC liền kề nhau, có sự kết nối thuận lợi về hạ tầng giao thông thuận lợi giữa các đơn vị, cùng khai thác thế mạnh kinh tế biển.

- Về tên gọi: Sử dụng tên gọi của một trong các ĐVHC đã có là Gia Thuận, được đa số nhân dân đồng tình ủng hộ.

SPRINGO CO.,LTD | 0969 798 944 | 0984 394 338 | WEB: hrspring.vn | YT: @quantrinhansuphattrientochuc

- Về trụ sở: hiện nay thị trấn Vàm Láng cơ bản có trụ sở được xây dựng đồng bộ, phát huy lợi thế trung tâm, kết nối thuận lợi với các khu vực khác của xã.

9. Các ĐVHC cấp xã của huyện Gò Công Tây

9.1. Thành lập xã Vĩnh Bình trên cơ sở nhập xã Thạnh Nhựt (diện tích tự nhiên 17,83 km^2, quy mô dân số 16.220 người), xã thị trấn Vĩnh Bình (diện tích tự nhiên 7,69 km^2, quy mô dân số 15.798 người) và xã Thạnh Trị (diện tích tự nhiên 14,26 km^2, quy mô dân số 12.522 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Vĩnh Bình có diện tích tự nhiên 39,78 km^2 (đạt 132,6% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 44.540 người (đạt 278,38% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Thị trấn Vĩnh Bình.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: căn cứ vào tính liền kề giữa 03 đơn vị hành chính, địa bàn giáp ranh, cùng có tuyến Quốc lộ 50 đi qua nối liền với Thành phố Gò Công, thuận tiện giao thông, kết nối vùng phía Đông, có tiềm năng phát triển kinh tế nên đề xuất phương án nhập 03 đơn vị gồm Thạnh Nhựt, Thị trấn Vĩnh Bình, Thạnh Trị để thành lập xã Vĩnh Bình.

- Về tên gọi: giữ lại tên gọi 01 trong 03 đơn vị hành chính được sáp nhập.

- Về trụ sở: vị trí trụ sở đặt tại Trung tâm hành chính của huyện là Thị trấn Vĩnh Bình.

9.2. Thành lập xã Đồng Sơn trên cơ sở nhập xã Bình Nhì (diện tích tự nhiên 13,76 km^2, quy mô dân số 14.358 người), xã Đồng Thạnh (diện tích tự nhiên 15,67 km^2, quy mô dân số 13.194 người) và xã Đồng Sơn (diện tích tự nhiên 14,84 km^2, quy mô dân số 12.853 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đồng Sơn có diện tích tự nhiên 44,27 km^2 (đạt 147,57% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 40.405 người (đạt 252,53% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đồng Thạnh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: căn cứ vào tính liền kề giữa 03 đơn vị hành chính, địa bàn giáp ranh, có hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy, giao lưu hành

hóa, xã có vị trí tiếp giáp tỉnh Long An thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực phía Bắc của huyện nên đề xuất phương án nhập 03 đơn vị xã Bình Nhì, Đồng Thạnh và Đồng Sơn để thành lập xã Đồng Sơn.

- Về tên gọi: xã Đồng Sơn là xã Anh hùng, có truyền thống cách mạng, gắn với địa danh Bia chiến thắng Đồng Sơn và có nhiều di tích lịch sử mang giá trị văn hóa như Lầu Bà Tám,... và là tên của một trong ba xã được sáp nhập.

- Về trụ sở: trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đồng Thạnh đã được đầu tư xây dựng, đảm bảo tổ chức bộ máy làm việc sau sắp xếp.

9.3. Thành lập xã Phú Thành trên cơ sở nhập xã Bình Phú (diện tích tự nhiên 13,22 km^2, quy mô dân số 10.497 người), xã Thành Công (diện tích tự nhiên 8,21 km^2, quy mô dân số 6.398 người) và xã Yên Luông (diện tích tự nhiên 10,49 km^2, quy mô dân số 8.240 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phú Thành có diện tích tự nhiên 31,92 km^2 (đạt 106,4% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 25.135 người (đạt 157,09% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Ủy ban nhân dân xã Thành Công.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: căn cứ vào tính liền kề giữa 03 đơn vị hành chính, địa bàn giáp ranh cùng tiếp giáp với Thành phố Gò Công, có truyền thống lịch sử về địa giới hành chính trước đây nên đề xuất phương án nhập 03 xã Bình Phú, Thành Công và Yên Luông để thành lập xã Phú Thành.

- Về tên gọi: là tên gọi có truyền thống lịch sử trước đây.

- Về trụ sở: trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thành Công nằm ở vị trí trung tâm của xã hình thành sau sắp xếp.

9.4. Thành lập xã Long Bình trên cơ sở nhập xã Long Bình (diện tích tự nhiên 19,48 km^2, quy mô dân số 16.878 người) và xã Bình Tân (diện tích tự nhiên 17,14 km^2, quy mô dân số 13.910 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Long Bình có diện tích tự nhiên 36,62 km^2 (đạt 122,07% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 30.788 người (đạt 192,43% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: trụ sở Ủy ban nhân dân xã Long Bình.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: căn cứ vào tính liền kề của các đơn vị hành chính, địa bàn giáp ranh, Long Bình đã và đang phấn đấu hình thành cụm công nghiệp thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp, Bình Tân tiếp giáp Thành phố Gò Công, giao thông, hạ tầng và vị trí có tiềm năng phát triển kinh tế vùng phía Đông nên đề xuất phương án nhập 02 đơn vị Long Bình và Bình Tân để thành lập xã Long Bình.

- Về tên gọi: lấy tên gọi một trong hai xã được sáp nhập.

- Về trụ sở: trụ sở UBND xã Long Bình đã được đầu tư xây dựng mới và đảm bảo tổ chức bộ máy sau sắp xếp đi vào hoạt động.

9.5. Thành lập xã Vĩnh Hựu trên cơ sở nhập xã Vĩnh Hựu (diện tích tự nhiên 19,09 km^2, quy mô dân số 14.116 người) và xã Long Vĩnh (diện tích tự nhiên 12,8 km^2, quy mô dân số 10.094 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Vĩnh Hựu có diện tích tự nhiên 31,89 km^2 (đạt 106,3% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 24.210 người (đạt 151,31% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: trụ sở Ủy ban nhân dân xã Long Vĩnh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: căn cứ vào tính liền kề giữa 02 đơn vị hành chính, địa bàn giáp ranh, hai xã có vị trí kế cận nhau cùng là địa phương có truyền thống cách mạng là cái nôi của cách mạng, Vĩnh Hựu là xã Anh hùng.

- Về tên gọi: giữ tên gọi của xã Anh hùng và là tên của một trong hai xã được sáp nhập.

- Về trụ sở: Ủy ban nhân dân xã Long Vĩnh đã được đầu tư xây dựng mới, đảm bảo tổ chức bộ máy sau sắp xếp làm việc.

10. Các ĐVHC cấp xã của thành phố Gò Công

10.1. Thành lập phường Gò Công trên cơ sở nhập Phường 1 (diện tích tự nhiên 1,81 km^2, quy mô dân số 19.339 người), Phường 5 (diện tích tự nhiên 1,66 km^2, quy mô dân số 6.220 người), phường Long Hòa (diện tích tự nhiên 6,59 km^2, quy mô dân số 10.565 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Gò Công có diện tích tự nhiên 10,06 km^2 (đạt 182,91% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 36.124 người (đạt 172,02% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Phường 5.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Phường 1, Phường 5, phường Long Hòa có vị trí địa lý liền kề, có cơ sở hạ tầng đồng bộ hoàn chỉnh, có Bệnh viện Đa khoa khu vực, các khu thương mại, nhà ở, khu dân cư, có nhiều di tích lịch sử cấp tỉnh, thế mạnh phát triển thương mại, dịch vụ; tài chính, ngân hàng, nhà hàng, khách sạn,... Do đây là các phường trung tâm, có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Về tên gọi: lấy tên phường Gò Công, gắn với lịch sử, truyền thống Gò Công từ khi thành lập đến nay.

- Về trụ sở: sử dụng trụ sở hiện hữu Phường 5 đã được xây dựng khang trang, đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp.

10.2. Thành lập phường Long Thuận trên cơ sở nhập Phường 2 (diện tích tự nhiên 1,81 km^2, quy mô dân số 19.694 người), phường Long Thuận (diện tích tự nhiên 6,45 km^2, quy mô dân số 10.021 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Long Thuận có diện tích tự nhiên 8,26 km^2 (đạt 150,18% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 29.715 người (đạt 141,5% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Ủy ban nhân dân thành phố Gò Công (Phường 2).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Phường 2, phường Long Thuận có vị trí địa lý liền kề, cơ sở hạ tầng đồng bộ hoàn chỉnh, có thế mạnh phát triển thương mại - dịch vụ, sản xuất kinh doanh, nét đặc trưng phường Long Thuận là đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân,… Đây là điều kiện thuận lợi để liên kết phát triển thế mạnh của địa phương.

- Về tên gọi: Lấy tên phường Long Thuận nhằm giữ nét đặc trưng của xã Anh hùng nhằm ghi nhận và giáo dục truyền thống cho các thế hệ mai sau.

- Về trụ sở: sử dụng trụ sở hiện hữu Ủy ban nhân dân thành phố, cơ sở vật chất hoàn chỉnh, khang trang.

10.3. Thành lập phường Bình Xuân trên cơ sở nhập phường Long Chánh (diện tích tự nhiên 7,87 km^2, quy mô dân số 11.482 người) và xã Bình Xuân (diện tích tự nhiên 26,55 km^2, quy mô dân số 21.092 người).

SPRINGO CO.,LTD | 0969 798 944 | 0984 394 338 | WEB: hrspring.vn | YT: @quantrinhansuphattrientochuc

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Bình Xuân có diện tích tự nhiên 34,42 km^2 (đạt 625,82% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 32.574 người (đạt 155,11% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Phường Long Chánh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: phường Long Chánh và xã Bình Xuân có vị trí địa lý liền kề, sau khi sáp nhập có điều kiện thuận lợi cho quy hoạch phát triển công nghiệp (đã quy hoạch cụm công nghiệp Bình Xuân), tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch, quy hoạch phát triển nông nghiệp, công nghệ cao, tạo việc làm, thu hút nguồn nhân lực, dân cư đến sinh sống, gia tăng quy mô dân số trong tương lai; nét nổi bật xã Bình Xuân là xã Anh hùng lực lượng vũ trang, đây là những điều kiện thuận lợi và thế mạnh của địa phương để liên kết phát triển.

- Về tên gọi: lấy tên là phường Bình Xuân, nhằm giữ nét đặc trưng của xã Anh hùng nhằm ghi nhận và giáo dục truyền thống cho các thế hệ mai sau.

- Về trụ sở: sử dụng trụ sở phường Long Chánh, cơ sở vật chất được xây mới khang trang.

10.4. Thành lập phường Sơn Quy trên cơ sở nhập phường Long Hưng (diện tích tự nhiên 6,51 km^2, quy mô dân số 7.839 người), xã Tân Trung (diện tích tự nhiên 20,2 km^2, quy mô dân số 19.649 người) và xã Bình Đông (diện tích tự nhiên 22,25 km^2, quy mô dân số 19.019 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Sơn Quy có diện tích tự nhiên 48,96 km^2 (đạt 890,18% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 46.507 người (đạt 221,46% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Trung.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Phường Long Hưng, xã Tân Trung và xã Bình Đông có vị trí, địa lý liền kề, có Quốc lộ 50 ngang qua, có điều kiện để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (đang thực hiện khu công nghiệp Bình Đông), nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tập trung. Nét đặc trưng phường có di tích lịch sử cấp quốc gia Lăng Hoàng Gia, làng nghề truyền thống lâu đời. Đây là những điều kiện thuận lợi và thế mạnh của địa phương để liên kết phát triển vùng.

SPRINGO CO.,LTD | 0969 798 944 | 0984 394 338 | WEB: hrspring.vn | YT: @quantrinhansuphattrientochuc

- Về tên gọi: Lấy tên phường Sơn Quy do nét đặc trưng lịch sử, truyền thống, văn hóa của vùng. Giồng Sơn Quy còn có nghĩa là gò rùa (Quy Nguyên), là tổ quán của Đức Thái hậu Từ Dụ. Do là quê ngoại của nhà vua, nên vua Tự Đức thay chữ Quy Nguyên thành Sơn Quy, tức gò rùa thành ra Núi Rùa, là một trong tứ linh (Long - Lân - Quy - Phụng), ý muốn vững bền như núi. Bên cạnh đó, nơi đây có liên quan đến cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo. Tại đây, ông cho xây dựng các chiến lũy tạo thành hình vòng cung bảo vệ giồng Sơn Quy.

- Về trụ sở: sử dụng trụ sở xã Tân Trung, cơ sở vật chất hoàn chỉnh.

11. Các ĐVHC cấp xã của huyện Tân Phú Đông

11.1. Thành lập xã Tân Thới trên cơ sở nhập xã Tân Thới (diện tích tự nhiên 21,12 km^2, quy mô dân số 14.749 người), xã Tân Thạnh (diện tích tự nhiên 27,35 km^2, quy mô dân số 5.093 người), xã Tân Phú (diện tích tự nhiên 17,36 km^2, quy mô dân số 12.274 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Thới có diện tích tự nhiên 65,83 km^2 (đạt 219,43% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số 32.116 người (đạt 200,73% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: xã Tân Phú.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: do các xã có vị trí liền kề nhau, có chung lịch sử hình thành và phát triển (xã Tân Thạnh và Tân Phú tiền thân là xã Tân Thới); thuận lợi về phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; ổn định về an ninh trật tự; gắn kết giao thông thuận lợi.

- Về tên gọi: giữ tên gọi của ĐVHC cấp xã hiện nay, vốn có trước đây, mang giá trị lịch sử, để tránh xáo trộn nhiều đến đời sống của người dân.

- Về trụ sở: mới xây dựng, có diện tích đảm bảo để bố trí số lượng cán bộ, công chức làm việc đạt hiệu quả cao nhất và thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp đến liên hệ thực hiện các thủ tục hành chính.

11.1. Thành lập xã Tân Phú Đông trên cơ sở nhập xã Phú Thạnh (diện tích tự nhiên 21,55 km^2, quy mô dân số 10.232 người), xã Phú Đông (diện tích tự nhiên 29,66 km^2, quy mô dân số 8.357 người) và xã Phú Tân (diện tích tự nhiên 123,94 km^2, quy mô dân số 5.041 người).

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Tân Phú Đông có diện tích tự nhiên 175,15 km^2 (đạt 583,83% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 23.630 người (đạt 147,69% so với tiêu chuẩn).

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trung tâm hành chính - chính trị của huyện hiện nay (ấp Bà Lắm, xã Phú Thạnh).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: do các xã có vị trí liền kề nhau, có chung lịch sử hình thành và phát triển; thuận lợi về phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; ổn định về an ninh trật tự; gắn kết giao thông thuận lợi.

- Về tên gọi: giữ tên gọi của ĐVHC theo tên của ĐVHC cấp huyện hiện nay, để tránh xáo trộn nhiều đến đời sống của người dân.

- Về trụ sở: có diện tích lớn và cơ sở vật chất, không gian đủ để bố trí số lượng cán bộ, công chức làm việc; trụ sở có sự kết nối đồng bộ với hạ tầng giao thông, thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp đến liên hệ thực hiện các thủ tục hành chính.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH TIỀN GIANG

Trước khi sắp xếp, tỉnh Tiền Giang có 164 ĐVHC (gồm 135 xã, 21 phường, 08 thị trấn). Sau khi sắp xếp, tỉnh Tiền Giang còn 57 ĐVHC cấp xã (gồm 13 phường, 44 xã); giảm 107 ĐVHC cấp xã (gồm 91 xã, 08 phường, 08 thị trấn).

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC.

1.1. Đối với Đảng bộ xã, phường thị trấn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: Thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương

1.2. Đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

- *Hội đồng nhân dân:*

Sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã, các đại biểu Hội đồng nhân dân của các ĐVHC cấp xã cũ được hợp thành Hội đồng nhân dân của ĐVHC cơ sở mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

Hội đồng nhân dân cấp xã thành lập 2 Ban là Ban Pháp chế và Ban Kinh tế-Xã hội.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ định Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, phường sau sắp xếp.

- *Ủy ban nhân dân*

Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập tối đa 4 phòng và tương đương.

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân gồm Chủ tịch (chức danh chuyên trách) và 02 Phó Chủ tịch (01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Chánh Văn phòng HĐND và UBND, 01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các uỷ viên Ủy ban nhân dân xã, phường sau sắp xếp để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương cho đến khi Ủy ban nhân dân khóa mới được bầu ra.

1.3. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tại các ĐVHC cấp xã

Việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn các ĐVHC sau sắp xếp phải bảo đảm phù hợp với quy mô dân số, bán kính phục vụ, quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực, bảo đảm tinh gọn đầu mối, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

Việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ĐVHC cấp cơ sở hình thành sau sắp xếp gắn với việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện chủ trương bỏ cấp huyện.

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp không vượt quá tổng số cán bộ, công chức có mặt tại các đơn vị hành chính cấp xã trước sắp xếp, không kể số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện được bố trí làm việc tại đơn vị hành chính cấp xã.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

Trước mắt, giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức của cấp huyện, cấp xã hiện có để bố trí làm việc tại cấp xã và thực hiện rà soát, tinh giản

biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đảm bảo trong thời hạn 05 năm cơ bản theo quy định của Chính phủ; dự kiến bình quân mỗi xã khoảng 32 biên chế (không bao gồm khối đảng, đoàn thể).

Sau khi Trung ương ban hành hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, danh mục vị trí việc làm của bộ máy chính quyền cấp xã, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo việc xây dựng phương án cụ thể để sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức tại ĐVHC cấp cơ sở. Đối với các trường hợp dôi dư có nguyện vọng xin nghỉ sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Chính phủ.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Hiện nay, các trụ sở làm việc tại các ĐVHC cấp xã đa số đã được đầu tư xây dựng hiện đại, đáp ứng được nhu cầu làm việc của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các địa phương tiến hành rà soát, bố trí, phân bổ hợp lý số lượng trụ sở, tài sản công hiện có cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo tiết kiệm, phục vụ hiệu quả hoạt động của từng cơ quan.

Kịp thời cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng công sở, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật; bảo đảm khai thác hiệu quả tài sản công hiện có. Nghiên cứu để bố trí, lựa chọn trụ sở của các cơ quan dư thừa sử dụng làm trụ sở cho các cơ quan khác hoặc thành điểm trường phục vụ giáo dục.

Việc xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 7 Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

Đối với tài sản công dôi dư (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo rà soát, thống kê, xây dựng phương án tiếp tục bố trí, sử dụng, thực hiện điều chuyển cho cơ quan, đơn vị khác hiện còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức hoặc tổ chức thanh lý tài sản theo đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, bảo đảm trong vòng 03 năm, kể từ ngày Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh sau sắp xếp cam kết hoàn thành việc việc sắp xếp, xử lý tài sản công theo đúng quy định.

SPRINGO CO.,LTD | 0969 798 944 | 0984 394 338 | WEB: hrspring.vn | YT: @quantrinhansuphattrientochuc

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 06 xã đảo, 16 xã an toàn khu, 74 xã, phường, thị trấn được công nhận danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân". Sau sắp xếp, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tiến hành rà soát, đánh giá, lập hồ sơ đề nghị Bộ Nội vụ thẩm định, báo cáo cơ quan trung ương có thẩm quyền công nhận xã an toàn khu, xã đảo đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân theo quy định.

Trong thời gian chưa được cấp có thẩm quyền công nhận ĐVHC hình thành sau sắp xếp là xã an toàn khu, xã đảo, đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân thì thực hiện chế độ, chính sách đặc thù về xã an toàn khu, đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh

a) Chủ động phối hợp kiểm tra về các nội dung thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách để hoàn chỉnh hồ sơ Đề án; thực hiện đánh giá tác động đối với các lĩnh vực được phân công tham mưu quản lý thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách trong việc sắp xếp ĐVHC gửi Sở Nội vụ tổng hợp

b) Tham mưu việc tổ chức thực hiện các hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương liên quan đến lĩnh vực phụ trách trong quá trình triển khai công tác sắp xếp đơn vị hành chính.

c) Lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao gửi Sở Tài chính thẩm định trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Định kỳ, đột xuất báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo yêu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Sở Nội vụ:

a) Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện công tác sắp xếp ĐVHC.

b) Tổ chức triển khai các nội dung được phân công theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về sắp xếp ĐVHC.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện nội dung các hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC trong quá trình thẩm định, thẩm tra của các cơ quan trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC.

- Định kỳ, đột xuất báo cáo cơ quan có thẩm quyền kết quả thực hiện.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định, hướng dẫn của trung ương và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh.

3. Sở Tài chính:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, phân bổ kinh phí tổ chức triển khai thực hiện Đề án sắp xếp ĐVHC theo đề nghị của các cơ quan đơn vị, địa phương có liên quan; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện việc sắp xếp các ĐVHC theo quy định.

b) Tham mưu triển khai các quy định, hướng dẫn của trung ương về xử lý trụ sở, tài sản công của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp.

c) Phối hợp với các sở ngành, địa phương tham mưu điều chỉnh các chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với các ĐVHC mới; việc thực hiện nguồn vốn đầu tư công tại các ĐVHC sau sắp xếp.

4. Sở Xây dựng:

a) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai công tác sắp xếp, bố trí trụ sở của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp.

b) Triển khai các quy định, hướng dẫn của trung ương về quy hoạch đô thị, phân loại đô thị sau sắp xếp.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Tổ chức thực hiện việc xây dựng các bản đồ hiện trạng, bản đồ phương án sắp xếp các ĐVHC theo nội dung phân công.

b) Cung cấp số liệu diện tích tự nhiên theo số liệu đất đai gần nhất của các ĐVHC để phục vụ việc xây dựng Đề án.

c) Tham mưu việc rà soát, chỉnh lý hồ sơ địa chính và các hồ sơ liên quan sau khi sắp xếp ĐVHC do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của

ĐVHC. Thực hiện công tác chuyên ngành về quản lý đất đai, cơ sở dữ liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh sau khi sắp xếp, sáp nhập ĐVHC.

6. Sở Tư pháp:

Tham mưu, giúp UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tháo gỡ vướng mắc trong lĩnh vực hộ tịch, chứng thực; hướng dẫn, tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm khi thực hiện thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC thực hiện sắp xếp.

Tổng hợp, rà soát và lập danh mục các văn bản văn bản quy phạm pháp luật, chế độ, chính sách và cơ chế hoạt động trên tất cả các lĩnh vực để đề xuất cấp có thẩm quyền giao cho các sở chuyên ngành điều chỉnh kịp thời.

7. Công an tỉnh:

a) Rà soát, cung cấp số liệu dân số theo từng ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác xây dựng Phương án, Đề án sắp xếp các ĐVHC trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi của ĐVHC thực hiện sắp xếp.

8. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành trong quá trình trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký các văn bản, tài liệu, hồ sơ Đề án về sắp xếp ĐVHC.

b) Phối hợp trong công tác tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết tán thành chủ trương sắp xếp ĐVHC.

c) Đề xuất phương án, mô hình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm giải quyết yêu cầu của người dân doanh nghiệp được liên tục.

9. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao trong việc sắp xếp ĐVHC cấp xã đảm bảo nội dung, tiến độ theo quy định.

b) Phối hợp xây dựng phương án chi tiết sắp xếp tổ chức, bộ máy, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách dôi dư và giải quyết chế độ, chính sách theo quy định pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

c) Phối hợp xây xây dựng phương án chi tiết xử lý tài sản, trụ sở làm việc của các tổ chức, cơ quan tại ĐVHC cấp xã sau sắp xếp.

d) Lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao gửi Sở Tài chính thẩm định trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Định kỳ, đột xuất báo cáo cơ quan có thẩm quyền kết quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan do cơ quan có thẩm quyền giao.

10. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

a) Chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, vận động trong đoàn viên, hội viên và Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC.

b) Chỉ đạo việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo Điều lệ của từng tổ chức và quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

11. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức Đảng theo Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn có liên quan; triển khai các quy định về công tác cán bộ theo thẩm quyền.

12. Báo Ấp Bắc, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, bài viết (trên báo in, báo điện tử) để thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách, tiến độ, kết quả của quá trình sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Tiền Giang.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Tiền Giang là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu thực tiễn, gắn liền với thực hiện chủ trương Đảng và Nhà nước. Qua đó nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính, góp phần giải quyết khó khăn, giảm gánh nặng cho công tác quản lý nhà nước về mọi mặt, củng cố và tăng cường hiệu quả quản lý và điều hành của chính quyền địa phương. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được nâng cao nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

2. Kiến nghị, đề xuất: Không

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Tiền Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

SPRINGO CO.,LTD | 0969 798 944 | 0984 394 338 | WEB: hrspring.vn | YT: @quantrinhansuphattrientochuc

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ TG, ĐT.
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ HIỆN NAY
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã)

TT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (Km2)	Tỉ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỉ lệ (%)				
I	**Thành phố Mỹ Tho**								
1	**Các xã**								
1.1	Xã Đạo Thạnh	10.75	35.83	24,626	307.83				X
1.2	Xã Mỹ Phong	11.25	37.50	20,781	259.76				X
1.3	Xã Phước Thạnh	10.4	34.67	25,481	318.51				X
1.4	Xã Tân Mỹ Chánh	9.37	31.23	16,421	205.26				X
1.5	Xã Thới Sơn	12.12	40.40	9,508	118.85				X
1.6	Xã Trung An	10.16	33.87	29,314	366.43				X
2	**Các phường**								
2.1	Phường 1	1.18	21.45	20,691	295.59				X
2.2	Phường 2	1.95	35.45	42,051	600.73				X
2.3	Phường 4	0.81	14.73	22,819	325.99				X
2.4	Phường 5	2.72	49.45	25,925	370.36				X
2.5	Phường 6	3.09	56.18	28,982	414.03				X
2.6	Phường 9	2.38	43.27	13,529	193.27				X
2.7	Phường 10	2.82	51.27	15,684	224.06				X
2.8	Phường Tân Long	3.26	59.27	4,024	57.49				X
II	**Thành phố Gò Công**								
1	**Các xã**								
1.1	Xã Bình Đông	22.25	74.17	19,019	237.74				X
1.2	Xã Bình Xuân	26.55	88.50	21,092	263.65				X
1.3	Xã Tân Trung	20.2	67.33	19,649	245.61				X
2	**Các phường**								
2.1	Phường 1	1.81	32.91	19,339	276.27				X
2.2	Phường 2	1.81	32.91	19,694	281.34				X
2.3	Phường 5	1.66	30.18	6,220	88.86				X
2.4	Phường Long Chánh	7.87	143.09	11,482	164.03				X
2.5	Phường Long Hòa	6.59	119.82	10,565	150.93				X
2.6	Phường Long Hưng	6.51	118.36	7,839	111.99				X
2.7	Phường Long Thuận	6.45	117.27	10,021	125.26				X
III	**Thị xã Cai Lậy**								
1	**Các xã**								
1.1	Xã Long Khánh	20.81	69.37	16,741	209.26				X
1.2	Xã Mỹ Hạnh Đông	16.28	54.27	10,453	130.66				X

1.3	Xã Mỹ Hạnh Trung	10.02	33.40	8,910	111.38				X
1.4	Xã Mỹ Phước Tây	20.42	68.07	16,342	204.28				X
1.5	Xã Nhị Quý	7.88	26.27	13,120	164.00				X
1.6	Xã Phú Quý	8.18	27.27	8,534	106.68				X
1.7	Xã Tân Bình	9.24	30.80	7,314	91.43				X
1.8	Xã Tân Hội	13.93	46.43	14,020	175.25				X
1.9	Xã Tân Phú	8.37	27.90	6,887	86.09				X
1.10	Xã Thanh Hòa	6.78	22.60	7,164	89.55				X
2	**Các phường**								
2.1	Phường 1	2.27	41.27	11,648	232.96				X
2.2	Phường 2	3.48	63.27	6,425	128.50				X
2.3	Phường 3	3.34	60.73	3,830	76.60				X
2.4	Phường 4	2.15	39.09	7,125	142.50				X
2.5	Phường 5	2.56	46.55	10,251	205.02				X
2.6	Phường Nhị Mỹ	5.3	96.36	5,914	118.28				X
IV	**Huyện Tân Phước**								
1	**Các xã**								
1.1	Xã Hưng Thạnh	32.57	108.57	8,444	105.55				X
1.2	Xã Phú Mỹ	13.06	43.53	9,966	124.58				X
1.3	Xã Phước Lập	34.24	114.13	13,700	171.25				X
1.4	Xã Tân Hòa Đông	26.9	89.67	2,279	28.49				X
1.5	Xã Tân Hòa Tây	31.57	105.23	5,615	70.19				X
1.6	Xã Tân Hòa Thành	19.52	65.07	12,958	161.98				X
1.7	Xã Tân Lập 1	29.65	98.83	58,880	736.00				X
1.8	Xã Tân Lập 2	16.3	54.33	3,347	41.84				X
1.9	Xã Thạnh Hoà	24.79	82.63	1,345	16.81				X
1.10	Xã Thạnh Mỹ	28.21	94.03	3,026	37.83				X
1.11	Xã Thạnh Tân	33.04	110.13	3,889	48.61				X
2	**Các thị trấn**								
2.1	Thị trấn Mỹ Phước	40.28	287.71	7,531	94.14				X
V	**Huyện Cái Bè**								
1	**Các xã**								
1.1	Xã An Cư	11.32	37.73	15,876	198.45				X
1.2	Xã An Hữu	13.99	46.63	20,980	262.25				X
1.3	Xã An Thái Đông	7.36	24.52	11,475	143.44				X
1.4	Xã An Thái Trung	19.54	65.12	17,927	224.09				X
1.5	Xã Đông Hòa Hiệp	12.95	43.16	16,885	211.06				X
1.6	Xã Hậu Mỹ Bắc A	27.38	91.28	16,238	202.98				X
1.7	Xã Hậu Mỹ Bắc B	19.71	65.69	11,546	144.33				X
1.8	Xã Hậu Mỹ Phú	11.13	37.11	8,818	110.23				X
1.9	Xã Hậu Mỹ Trinh	31.52	105.06	12,313	153.91				
1.10	Xã Hậu Thành	11.79	39.31	16,421	205.26				X
1.11	Xã Hòa Hưng	15.91	53.03	17,892	223.65				X
1.12	Xã Hòa Khánh	23.97	79.90	24,144	301.80				X
1.13	Xã Mỹ Đức Đông	12.62	42.07	11,876	148.45				X

1.14	Xã Mỹ Đức Tây	19.88	66.28	12,795	159.94				X
1.15	Xã Mỹ Hội	14.42	48.06	11,659	145.74				X
1.16	Xã Mỹ Lợi A	17.62	58.72	13,351	166.89				X
1.17	Xã Mỹ Lợi B	18.79	62.64	8,955	111.94				X
1.18	Xã Mỹ Lương	14.04	46.79	13,305	166.31				X
1.19	Xã Mỹ Tân	17.70	59.00	6,581	82.26				X
1.20	Xã Mỹ Trung	24.73	82.44	10,376	129.70				X
1.21	Xã Tân Hưng	19.40	64.68	15,756	196.95				X
1.22	Xã Tân Thanh	12.95	43.18	12,631	157.89				X
1.23	Xã Thiện Trí	13.29	44.28	12,226	152.83				X
1.24	Xã Thiện Trung	20.16	67.21	10,788	134.85				X
2	**Các thị trấn**								
2.1	Thị trấn Cái Bè	4.22	30.14	18,582	232.28				X
VI	**Huyện Cai Lậy**								
1	**Các xã**								X
1.1	Xã Cẩm Sơn	12.53	41.77	11,156	139.45				X
1.2	Xã Hiệp Đức	10.22	34.07	8,323	104.04				X
1.3	Xã Hội Xuân	11.96	39.87	11,854	148.18				X
1.4	Xã Long Tiên	16.55	55.17	15,394	192.43				X
1.5	Xã Long Trung	15.44	51.47	15,940	199.25				X
1.6	Xã Mỹ Long	12.65	42.17	12,663	158.29				X
1.7	Xã Mỹ Thành Bắc	16.89	56.30	9,270	115.88				X
1.8	Xã Mỹ Thành Nam	21.65	72.17	15,538	194.23				X
1.9	Xã Ngũ Hiệp	26.56	88.53	19,323	241.54				X
1.10	Xã Phú An	15.73	52.43	19,485	243.56				X
1.11	Xã Phú Cường	32.82	109.40	14,921	186.51				X
1.12	Xã Phú Nhuận	13.76	45.87	10,960	137.00				X
1.13	Xã Tam Bình	21.38	71.27	21,312	266.40				X
1.14	Xã Tân Phong	23.79	79.30	15,557	194.46				X
1.15	Xã Thạnh Lộc	23.82	79.40	13,510	168.88				X
2	**Các thị trấn**								
2.1	Thị trấn Bình Phú	19.07	136.21	20,440	255.50				X
VII	**Huyện Châu Thành**								
1	**Các xã**								
1.1	Xã Bàn Long	9.41	31.37	9,939	124.24				X
1.2	Xã Bình Đức	8.7	29.00	8,910	111.38				X
1.3	Xã Bình Trưng	17.37	57.90	23,647	295.59				X
1.4	Xã Điềm Hy	13.86	46.20	10,971	137.14				X
1.5	Xã Đông Hòa	7.36	24.53	11,151	139.39				X
1.6	Xã Kim Sơn	11.63	38.77	12,437	155.46				X
1.7	Xã Long An	6.46	21.53	10,313	128.91				X
1.8	Xã Long Định	17.58	58.60	16,805	210.06				X
1.9	Xã Long Hưng	14.18	47.27	15,420	192.75				X
1.10	Xã Nhị Bình	18.83	62.77	20,435	255.44				X
1.11	Xã Phú Phong	10.27	34.23	8,562	107.03				X

1.12	Xã Song Thuận	9.09	30.30	8,035	100.44				X
1.13	Xã Tam Hiệp	20.68	68.93	20,321	254.01				X
1.14	Xã Tân Hội Đông	8.71	29.03	8,862	110.78				X
1.15	Xã Tân Hương	10.63	35.43	40,873	510.91				X
1.16	Xã Tân Lý Đông	15.71	52.37	17,475	218.44				X
1.17	Xã Thân Cửu Nghĩa	12.09	40.30	23,509	293.86				X
1.18	Xã Thạnh Phú	8.39	27.97	11,563	144.54				X
1.19	Xã Vĩnh Kim	5.89	19.63	12,965	162.06				X
2	**Các thị trấn**								
2.1	Thị trấn Tân Hiệp	5.73	40.93	23,248	290.60				X
VIII	**Huyện Chợ Gạo**								
1	**Các xã**								
1.1	Xã An Thạnh Thủy	15.16	50.53	15,985	199.81				X
1.2	Xã Bình Ninh	19.07	63.57	14,015	175.19				X
1.3	Xã Bình Phan	9.65	32.17	9,265	115.81				X
1.4	Xã Bình Phục Nhứt	17.86	59.53	15,948	199.35				X
1.5	Xã Đăng Hưng Phước	14.39	47.97	14,019	175.24				X
1.6	Xã Hòa Định	13.49	44.97	11,040	138.00				X
1.7	Xã Hòa Tịnh	7.11	23.70	8,079	100.99				X
1.8	Xã Long Bình Điền	12.5	41.67	14,381	179.76				X
1.9	Xã Lương Hòa Lạc	9.58	31.93	12,525	156.56				X
1.10	Xã Mỹ Tịnh An	11.47	38.23	11,515	143.94				X
1.11	Xã Phú Kiết	11.42	38.07	13,169	164.61				X
1.12	Xã Quơn Long	13.3	44.33	13,045	163.06				X
1.13	Xã Song Bình	9.62	32.07	9,738	121.73				X
1.14	Xã Tân Bình Thạnh	11.84	39.47	9,204	115.05				X
1.15	Xã Tân Thuận Bình	12.25	40.83	12,967	162.09				X
1.16	Xã Thanh Bình	14.28	47.60	11,967	149.59				X
1.17	Xã Trung Hòa	10.79	35.97	8,160	102.00				X
1.18	Xã Xuân Đông	14.08	46.93	11,076	138.45				X
2	**Các thị trấn**								
2.1	Thị trấn Chợ Gạo	3.05	21.79	9,674	120.93				X
IX	**Huyện Gò Công Tây**								
1	**Các xã**								
1.1	Xã Bình Nhì	13.76	45.87	14,358	179.48				X
1.2	Xã Bình Phú	13.22	44.07	10,497	131.21				X
1.3	Xã Bình Tân	17.14	57.13	13,910	173.88				X
1.4	Xã Đồng Sơn	14.84	49.47	12,853	160.66				X
1.5	Xã Đồng Thạnh	15.67	52.23	13,194	164.93				X
1.6	Xã Long Bình	19.48	64.93	16,878	210.98				X
1.7	Xã Long Vĩnh	12.8	42.67	10,094	126.18				X
1.8	Xã Thành Công	8.21	27.37	6,398	79.98				X
1.9	Xã Thạnh Nhựt	17.83	59.43	16,220	202.75				X
1.10	Xã Thạnh Trị	14.26	47.53	12,522	156.53				X
1.11	Xã Vĩnh Hựu	19.09	63.63	14,116	176.45				X

1.12	Xã Yên Luông	10.49	34.97	8,240	103.00				X
2	**Các thị trấn**								
2.1	Thị trấn Vĩnh Bình	7.69	54.93	15,798	197.48				X
X	**Huyện Gò Công Đông**								
1	**Các xã**								
1.1	Xã Bình Ân	13.78	45.93	12,735	159.19				X
1.2	Xã Bình Nghị	13.53	45.10	14,276	178.45				X
1.3	Xã Gia Thuận	20.91	69.70	9,016	112.70				X
1.4	Xã Kiểng Phước	38.98	129.93	20,923	261.54				
1.5	Xã Phước Trung	21.2	70.67	13,141	164.26				X
1.6	Xã Tân Điền	25.23	84.10	9,395	117.44				X
1.7	Xã Tân Đông	11.65	38.83	12,741	159.26				X
1.8	Xã Tân Phước	24.17	80.57	19,551	244.39				X
1.9	Xã Tân Tây	14.53	48.43	19,121	239.01				X
1.10	Xã Tân Thành	88.49	294.97	17,529	219.11				X
1.11	Xã Tăng Hoà	17.92	59.73	12,575	157.19				X
2	**Các thị trấn**								X
2.1	Thị trấn Tân Hòa	3.23	23.07	6,732	84.15				X
2.2	Thị trấn Vàm Láng	7.52	53.71	15,968	199.60				X
XI	**Huyện Tân Phú Đông**								
1	**Các xã**								
1.1	Xã Phú Đông	29.66	98.87	8,357	104.46			xã đảo	X
1.2	Xã Phú Tân	123.94	413.13	5,041	63.01			xã đảo	X
1.3	Xã Phú Thạnh	21.55	71.83	10,232	127.90			xã đảo	X
1.4	Xã Tân Phú	17.36	57.87	12,274	153.43			xã đảo	X
1.5	Xã Tân Thạnh	27.35	91.17	5,093	63.66			xã đảo	X
1.6	Xã Tân Thới	21.12	70.40	14,749	184.36			xã đảo	X

Phụ lục 2.3

THỐNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ NĂM 2025

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
				Diện tích (km2)	Tỉ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỉ lệ (%)			
		Thành phố Mỹ Tho								
1	Phường Mỹ Tho	Nhập các phường 1, 2, Tân Long	2	6.39	116.18%	66,766	317.93%			
2	Phường Đạo Thạnh	Nhập các phường 4, 5 và xã Đạo Thạnh	2	14.28	259.64%	73,370	349.38%			
3	Phường Mỹ Phong	Nhập Phường 9 và các xã Mỹ Phong, Tân Mỹ Chánh	2	23.00	418.18%	50,731	241.58%			
4	Phường Thới Sơn	Nhập Phường 6 và xã Thới Sơn	1	15.21	276.55%	38,490	183.29%			
5	Phường Trung An	Nhập Phường 10 và các xã Trung An, Phước Thạnh	2	23.38	425.09%	70,479	335.61%			
		Thành phố Gò Công								
6	Phường Gò Công	Nhập các phường 1, 5, Long Hòa	2	10.06	182.91%	36,124	172.02%			
7	Phường Long Thuận	Nhập Phường 2 và Phường Long Thuận	1	8.26	150.18%	29,715	141.50%			
8	Phường Sơn Quy	Nhập Phường Long Hưng và các xã Tân Trung, Bình Đông	2	48.96	890.18%	46,507	221.46%			
9	Phường Bình Xuân	Nhập Phường Long Chánh và xã Bình Xuân	1	34.42	625.82%	32,574	155.11%			
		Thị xã Cai Lậy								
10	Phường Mỹ Phước Tây	Nhập Phường 1, phường 3 và xã Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Phước Tây	3	36.05	655.45%	40,730	193.95%			

11	Phường Thanh Hòa	Nhập Phường 2 và xã Tân Bình, xã Thanh Hòa	2	19.5	354.55%	20,903	99.54%			
12	Phường Cai Lậy	Nhập Phường 4, 5 và xã Long Khánh	2	25.52	464.00%	34,117	162.46%			
13	Phường Nhị Quý	Nhập Phường Nhị Mỹ và xã Nhị Quý, xã Phú Quý	2	21.36	388.36%	27,568	131.28%			
14	Xã Tân Phú	Nhập xã Tân Phú, Tân Hội, Mỹ Hạnh Đông	2	38.58	128.60%	31,360	196.00%			
		Huyện Cái Bè								
15	Xã Thanh Hưng	Nhập các xã Tân Thanh, Tân Hưng, An Thái Trung	2	51.89	172.97%	46,314	289.46%			
16	Xã An Hữu	Nhập các xã Mỹ Lương, Hòa Hưng, An Hữu	2	43.94	146.47%	52,177	326.11%			
17	Xã Mỹ Lợi	Nhập các xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B, An Thái Đông	2	43.76	145.87%	33,781	211.13%			
18	Xã Mỹ Đức Tây	Nhập các xã Mỹ Đức Tây, Mỹ Đức Đông, Thiện Trí	2	45.79	152.63%	36,897	230.61%			
19	Xã Mỹ Thiện	Nhập các xã Mỹ Tân, Thiện Trung, Mỹ Trung	2	62.59	208.63%	27,745	173.41%			
20	Xã Hậu Mỹ	Nhập các xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B, Hậu Mỹ Trinh	2	78.61	262.03%	40,097	250.61%			
21	Xã Hội Cư	Nhập các xã An Cư, Mỹ Hội, Hậu Thành, Hậu Mỹ Phú	3	48.66	162.20%	52,774	329.84%			
22	Xã Cái Bè	Nhập thị trấn Cái Bè và các xã Đông Hòa Hiệp, Hòa Khánh	2	41.14	137.13%	59,611	372.57%			
		Huyện Cai Lậy								
23	Xã Bình Phú	Nhập thị trấn Bình Phú và các xã Cẩm Sơn, Phú An	2	47.33	157.77%	51,081	319.26%			
24	Xã Hiệp Đức	Nhập các xã Hiệp Đức, Hội Xuân, Tân Phong	2	45.97	153.23%	35,734	223.34%			

25	Xã Ngũ Hiệp	Nhập xã Ngũ Hiệp và xã Tam Bình	1	47.94	159.80%	40,635	253.97%			
26	Xã Long Tiên	Nhập các xã Long Tiên, Long Trung, Mỹ Long	2	44.64	148.80%	43,997	274.98%			
27	Xã Mỹ Thành	Nhập các xã Mỹ Thành Bắc, Mỹ Thành Nam, Phú Nhuận	2	52.3	174.33%	35,768	223.55%			
28	Xã Thạnh Phú	Nhập các xã Phú Cường, Thạnh Lộc	1	56.64	188.80%	28,431	177.69%			
		Huyện Tân Phước								
29	Xã Tân Phước 1	Nhập thị trấn Mỹ Phước, xã Thạnh Mỹ, xã Tân Hòa Đông	2	95.39	317.97%	12,836	80.23%			
30	Xã Tân Phước 2	Nhập các xã Thạnh Tân, Thạnh Hòa, Tân Hòa Tây	2	89.4	298.00%	10,849	67.81%			
31	Xã Tân Phước 3	Nhập xã Phước Lập, xã Tân Lập 1, Tân Lập 2	2	80.19	267.30%	75,927	474.54%			
32	Xã Hưng Thạnh	Nhập các xã Hưng Thạnh, Phú Mỹ, Tân Hòa Thành	2	65.15	217.17%	31,368	196.05%			
		Huyện Châu Thành								
33	Xã Tân Hương	Nhập các xã Tân Hương, Tân Lý Đông, Tân Hội Đông	2	35.05	116.83%	67,210	420.06%			
34	Xã Châu Thành	Nhập thị trấn Tân Hiệp, xã Long An, xã Thân Cửu Nghĩa	2	24.28	80.93%	57,070	356.69%			
35	Xã Long Hưng	Nhập các xã Long Hưng, Tam Hiệp, Thạnh Phú	2	43.25	144.17%	47,304	295.65%			
36	Xã Long Định	Nhập các xã Long Định, Nhị Bình, Đông Hòa	2	43.77	145.90%	48,391	302.44%			
37	Xã Vĩnh Kim	Nhập các xã Vĩnh Kim, Bàn Long, Phú Phong	2	25.57	85.23%	31,466	196.66%			
38	Xã Kim Sơn	Nhập các xã Kim Sơn, Song Thuận, Bình Đức	2	29.42	98.07%	29,382	183.64%			

39	Xã Bình Trưng	Nhập các xã Bình Trưng, Điềm Hy	1	31.23	104.10%	34,618	216.36%			
		Huyện Chợ Gạo								
40	Xã Mỹ Tịnh An	Nhập xã Trung Hòa, Hòa Tịnh, Mỹ Tịnh An, Tân Bình Thạnh	3	41.21	137.37%	36,958	230.99%			
41	Xã Lương Hòa Lạc	Nhập xã Thanh Bình, xã Phú Kiết, xã Lương Hòa Lạc	2	35.28	117.60%	37,661	235.38%			
42	Xã Tân Thuận Bình	Nhập xã Tân Thuận Bình, Đăng Hưng Phước, Quơn Long	2	39.94	133.13%	40,031	250.19%			
43	Xã Chợ Gạo	Nhập thị trấn Chợ Gạo, xã Long Bình Điền, xã Song Bình	2	25.17	83.90%	33,793	211.21%			
44	Xã An Thạnh Thủy	Nhập xã An Thạnh Thủy, Bình Phan, Bình Phục Nhứt	2	42.67	142.23%	41,198	257.49%			
45	Xã Bình Ninh	Nhập xã Bình Ninh, Hòa Định, Xuân Đông	2	46.64	155.47%	36,131	225.82%			
		Huyện Gò Công Tây								
46	Xã Vĩnh Bình	Nhập thị trấn Vĩnh Bình, xã Thạnh Nhựt, Thạnh Trị	2	39.78	132.60%	44,540	278.38%			
47	Xã Đồng Sơn	Nhập xã Bình Nhì, Đồng Thạnh, Đồng Sơn	2	44.27	147.57%	40,405	252.53%			
48	Xã Phú Thành	Nhập xã Bình Phú, Thành Công, Yên Luông	2	31.92	106.40%	25,135	157.09%			
49	Xã Long Bình	Nhập xã Long Bình, Bình Tân	1	36.62	122.07%	30,788	192.43%			
50	Xã Vĩnh Hựu	Nhập xã Vĩnh Hựu, Long Vĩnh	1	31.89	106.30%	24,210	151.31%			
		Huyện Gò Công Đông								
51	Xã Gò Công Đông	Nhập xã Tân Thành, Tăng Hòa	1	106.41	354.70%	30,104	188.15%			

52	Xã Tân Điền	Nhập xã Bình Ân, Tân Điền	1	39.01	130.03%	22,130	138.31%			
53	Xã Tân Hòa	Nhập thị trấn Tân Hòa, xã Phước Trung, Bình Nghị	2	37.96	126.53%	34,149	213.43%			
54	Xã Tân Đông	Nhập xã Tân Đông, Tân Tây, Tân Phước	2	50.35	167.83%	51,413	321.33%			
55	Xã Gia Thuận	Nhập thị trấn Vàm Láng, xã Gia Thuận, Kiểng Phước	2	67.41	224.70%	44,535	278.34%			
		Huyện Tân Phú Đông								
56	Xã Tân Thới	Nhập các xã Tân Thới, Tân Thạnh, Tân Phú	2	65.83	219.43%	32,116	200.73%		Xã đảo	
57	Xã Tân Phú Đông	Nhập các xã Phú Thạnh, Phú Tân, Phú Đông	2	175.15	583.83%	23,630	147.69%		Xã đảo	

Phụ lục 2.4

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH TIỀN GIANG

ĐVHC CẤP XÃ	Số lượng ĐVHC hiện nay	Số lượng ĐVHC đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp không đạt tiêu chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC giảm sau sắp xếp
Xã	135	0	0	135	44	0	91
Phường	21	0	0	21	13	0	8
Thị trấn	8	0	0	8	0	0	8
Tổng	**164**	**0**	**0**	**164**	**57**	**0**	**107**